Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Phần I
LĨNH VỰC HẢI QUAN

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục kiểm tra, xác nhận khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư đăng ký doanh nghiệp chế xuất (Mã TTHC: 1.009560)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thủ tục hành chính (TTHC) này.

Lý do: TTHC này ban hành theo Điều 28ª Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ không yêu cầu xin ý kiến cơ quan hải quan về điều kiện kiểm tra, giám sát khi cấp giấy chứng nhận đầu tư. Do vậy, việc bỏ TTHC này nhằm đơn giản hoá thủ tục, hồ sơ không cần thiết khi cấp giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 28a Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021; Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục kiểm tra thực tế điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất (bao gồm doanh nghiệp có dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng) (Mã TTHC: 1.009563)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa quy trình thực hiện theo hướng quy định thành một quy trình của thủ tục thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hoá xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu.

- Thay đổi phương thức quản lý, giảm các loại giấy tờ yêu cầu nộp trên cơ sở tích hợp 02 loại thông báo cơ sở sản xuất và thông báo đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát của doanh nghiệp chế xuất thành 01 thông báo.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 28a Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ; Điều 56 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục kiểm tra thực tế điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (nếu có) hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đang trong quá trình hoạt động, bao gồm cả các doanh nghiệp chế xuất đã được cơ quan hải quan xác nhận về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trước ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đang trong quá trình hoạt động, bao gồm cả các doanh nghiệp chế xuất đã được cơ quan hải quan xác nhận về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trước ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (Mã số TTHC: 1.009564)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Toàn bộ các doanh nghiệp chế xuất thành lập trước thời điểm Nghị định 18/2021/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực đã đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định, do vậy, việc bãi bỏ TTHC này là cần thiết để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 28a Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hoá xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu (Mã số TTHC: 1.011724)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa, quy định thành một quy trình của thủ tục kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan của doanh nghiệp chế xuất.

- Thay đổi phương thức quản lý, giảm các loại giấy tờ yêu cầu nộp trên cơ sở tích hợp 02 loại thông báo cơ sở sản xuất và thông báo đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát của doanh nghiệp chế xuất thành 01 thông báo.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 28a Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ; Điều 56 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục hải quan nhập khẩu kim cương thô (Mã số TTHC: 1.007847)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm Giấy xác nhận kim cương thô nhập khẩu.

- Thay đổi phương thức quản lý bằng giấy xác nhận kim cương thô nhập khẩu thành phương thức sử dụng hoặc chia sẻ dữ liệu tờ khai hải quan điện tử đối với mặt hàng kim cương thô nhập khẩu tương tự như hàng hóa thông thường khác.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 8 giờ thành 5,6 giờ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan ngày 23/6/2014; điểm d khoản 2 Điều 12 Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC ngày 23/6/2009 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Thủ tục hải quan xuất khẩu kim cương thô (Mã số TTHC: 1.007849)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm bước quy trình "cơ quan hải quan gửi thông báo thành thư điện tử tới địa chỉ thư điện tử của Phòng quản lý xuất nhập khẩu…".

- Thay đổi phương thức quản lý bằng "thông báo bằng thư điện tử" thành phương thức sử dụng hoặc chia sẻ dữ liệu tờ khai hải quan điện tử đối với mặt hàng kim cương thô nhập khẩu tương tự như hàng hóa thông thường khác.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 8 giờ thành 5,6 giờ.

b) Kiến nghị thực thi

- Khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan ngày 23/6/2014; điểm c khoản 2 Điều 15 Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC ngày 23/6/2009 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7. Thủ tục hành chính 7: Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã nhập khẩu nhưng phải xuất trả lại cho khách hàng nước ngoài, tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan (Mã số TTHC: 1.007844)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

+ Trường hợp kiểm tra hồ sơ: Giảm từ 2 giờ thành 1,4 giờ;

+ Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hoá: Giảm từ 8 giờ thành 5,6 giờ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan ngày 23/6/2014.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

8. Thủ tục hành chính 8: Thủ tục đưa hàng về bảo quản (Mã số TTHC: 1.011403)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thay đổi phương thức nộp hồ sơ khi giải quyết thủ tục từ việc người khai lựa chọn nộp hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử sang 100% thực hiện nộp hồ sơ theo phương thức điện tử trên hệ thống khai báo hải quan.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

+ Trường hợp kiểm tra hồ sơ: Giảm từ 2,0 giờ thành 1,4 giờ;

+ Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hoá: giảm từ 8,0 giờ thành 5,6 giờ.

b) Kiến nghị thực thi

- Khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan ngày 23/6/2014; Điều 32 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018) của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Thủ tục hành chính 9: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký tờ khai một lần (Mã số TTHC: 1.007859)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Trường hợp kiểm tra hồ sơ: giảm từ 2,0 giờ thành 1,4 giờ;

- Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hoá: giảm từ 8,0 giờ thành 5,6 giờ.

b) Kiến nghị thực thi

- Khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan ngày 23/6/2014.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

10. Thủ tục hành chính 10: Thủ tục khai bổ sung hồ sơ hải quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (Mã số TTHC: 2.002184)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm các chứng từ sau (đối với các trường hợp khai bổ sung quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính):

+ Phiếu cân hàng của cảng hoặc chứng từ kiểm kiện của cảng hoặc biên bản ghi nhận tại hiện trường giám định hoặc kết quả giám định;

+ Phiếu xuất nhập khẩu;

+ Biên bản nhận hàng hoặc bảng quyết toán;

+ Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng;

+ Vận đơn hoặc chứng từ vận tải tương đương;

+ Chứng từ thanh toán;

+ Giấy phép hoặc Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành;

+ Cắt giảm quy định về thời gian cơ quan hải quan phải xác minh thông tin khi người khai thực hiện thủ tục (10, 15, 45 ngày tại khoản 4 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC);

+ Thay đổi phương thức nộp hồ sơ khi giải quyết thủ tục từ việc người khai lựa chọn nộp hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử sang 100% thực hiện nộp hồ sơ theo phương thức điện tử trên hệ thống khai báo hải quan hoặc trên hệ thống 36a.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

+ Trường hợp kiểm tra hồ sơ: giảm từ 2,0 giờ thành 1,4 giờ;

+ Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hoá: giảm từ 8,0 giờ thành 5,6 giờ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan ngày 23/6/2014; khoản 3, 4, 5 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

11. Thủ tục hành chính 11: Thủ tục huỷ tờ khai hải quan (Mã số TTHC: 1.005458)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thay đổi phương thức nộp hồ sơ khi giải quyết thủ tục từ việc nộp hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử sang 100% thực hiện nộp hồ sơ theo phương thức điện tử trên hệ thống 36a.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

+ Trường hợp kiểm tra hồ sơ: Giảm từ 2,0 giờ thành 1,4 giờ;

+ Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hoá: Giảm từ 8,0 giờ thành 5,6 giờ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan ngày 23/6/2014; Điều 22 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

12. Thủ tục hành chính 12: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu; thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng cho hợp đồng gia công; thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài; thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá xuất khẩu; thủ tục nhập khẩu sản phẩm đặt gia công ở nước ngoài (Mã số TTHC: 1.006440)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm chứng từ là Bảng kê lâm sản đối với gỗ nguyên liệu xuất/nhập khẩu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hồ sơ điện tử (trên hệ thống NSW) để cắt giảm các chứng từ do cơ quan quản lý nhà nước cấp khi thực hiện thủ tục như: Giấy phép xuất, nhập khẩu, kết quả kiểm tra chuyên ngành, Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, …

- Thay đổi phương thức nộp hồ sơ khi giải quyết thủ tục từ việc nộp hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử thành nộp hồ sơ theo phương thức điện tử hoàn toàn trên hệ thống khai báo hải quan.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

+ Trường hợp kiểm tra hồ sơ: Giảm từ 2,0 giờ thành 1,4 giờ;

+ Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hoá: giảm từ 8,0 giờ thành 5,6 giờ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan ngày 23/6/2014.

- Sửa đổi Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

- Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính; sửa đổi các văn bản về pháp luật chuyên ngành có liên quan.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

13. Thủ tục hành chính 13: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển kết hợp (Mã TTHC: 1.007741)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Hợp nhất quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng cho hợp đồng gia công; nguyên liệu, vật tư để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài; nhập khẩu sản phẩm đặt gia công ở nước ngoài với quy trình thủ tục hải quan đối với đối với phế liệu, phế phẩm được phép xuất khẩu ra nước ngoài; xuất khẩu sản phẩm làm từ nguyên liệu nhập khẩu; đối với phế liệu, phế phẩm của doanh nghiệp chế xuất được phép bán vào thị trường nội địa; xuất khẩu sản phẩm gia công.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC:

+ Trường hợp kiểm tra hồ sơ: Giảm từ 2,0 giờ thành 1,4 giờ;

+ Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hoá: Giảm từ 8,0 giờ thành 5,6 giờ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan ngày 23/6/2014; Điều 22 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

14. Thủ tục hành chính 14: Thủ tục xác nhận kho xăng dầu đủ điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan (Mã TTHC: 1.009105)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do:

- Đơn giản hóa, sửa đổi thành một quy trình của thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình thực hiện thủ tục, giảm được các chi phí cơ hội không cần thiết trong quá trình tham gia thị trường.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

15. Thủ tục hành chính 15: Thủ tục công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên (Mã TTHC: 3.000138)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung phương thức gửi đơn đề nghị, nhận kết quả thực hiện qua hệ thống điện tử; giảm chứng từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 34 Nghị định số 46/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh Hải quan.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

16. Thủ tục hành chính 16: Thủ tục đình chỉ, thu hồi quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên (Mã TTHC: 3.000139)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung phương thức gửi đơn đề nghị, nhận kết quả thực hiện qua hệ thống điện tử.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 35 Nghị định số 46/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh Hải quan.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

17. Thủ tục hành chính 17: Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam (Mã số TTHC: 1.009056)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian thông qua hình thức nộp hồ sơ qua hệ thống giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho hàng miễn thuế.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 11 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 về kinh doanh hàng miễn thuế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

18. Thủ tục hành chính 18: Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa miễn thuế trong trường hợp một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác nhau (Mã TTHC: 1.009071)

a) Nội dung đơn giản hóa

Sửa đổi Mẫu số 06/BBBG theo hướng cho phép cung cấp mẫu biểu tương tác; hợp nhất quy trình của thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 25 và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

19. Thủ tục hành chính 19: Thủ tục tạm dừng hoạt động/hoạt động trở lại kho ngoại quan; kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (Mã số TTHC: 1.009110)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm 50% các bước thực hiện: từ Chi cục Hải quan khu vực kiểm tra và thực hiện ra Quyết định đối với địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa hoặc báo cáo Cục trưởng Cục Hải quan ra Quyết định đối với kho ngoại quan, CFS, kho hàng không kéo dài, cửa hàng miễn thuế, địa điểm kiểm tra tập trung và địa điểm hàng chuyển phát nhanh, bưu chính.

- Giảm thời gian thực hiện: từ 15 ngày còn 07 ngày.

- Thay đổi phương thức thực hiện: Giảm hồ sơ giấy, doanh nghiệp thực hiện khi đăng ký trực tuyến trên nền tảng dịch vụ công trực tuyến.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) để giao cho Hải quan quản lý kho bãi địa điểm đối với địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa (trừ kho ngoại quan, CFS, kho hàng không kéo dài, cửa hàng miễn thuế, địa điểm kiểm tra tập trung và địa điểm hàng chuyển phát nhanh, bưu chính vẫn thực hiện tại cấp Cục Hải quan).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

20. Thủ tục hành chính 20: Thủ tục mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho ngoại quan, kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (Mã TTHC: 1.009131)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm 02/03 thành phần hồ sơ (tương đương giảm 67% thành phần hồ sơ), gồm: (i) Sơ đồ thiết kế; (ii) Hợp đồng liên quan.

- Giảm thời gian thực hiện: từ 15 ngày còn 07 ngày.

- Thay đổi phương thức thực hiện từ hồ sơ giấy sang doanh nghiệp thực hiện đăng ký trực tuyến trên nền tảng dịch vụ công trực tuyến thay vì đăng ký trực tiếp hoặc trực tuyến như hiện nay.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) để giao cho Chi cục Hải quan khu vực đối với địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

21. Thủ tục hành chính 21: Thủ tục công nhận kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (Mã số TTHC: 1.009106)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Đơn giản hóa, thay đổi phương thức quản lý theo thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

22. Thủ tục hành chính 22: Thủ tục tạm dừng hoạt động/hoạt động trở lại của địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (Mã TTHC: 1.009107)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do:

- Cục Hải quan sẽ thực hiện mô hình thông quan tập trung sau sắp xếp tổ chức, bộ máy nên không bố trí một địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn.

Đối với các cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (cảng cạn) mới được Bộ Xây dựng công bố, Cục Hải quan sẽ ra quyết định công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung như các khu vực cảng biển, cảng hàng không, ...

Đối với các địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (cảng cạn) đã được công nhận trước đây tiếp tục hoạt động như các địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

23. Thủ tục hành chính 23: Thủ tục chấm dứt hoạt động kho ngoại quan; kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (Mã số TTHC: 1.009132)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm 50% các bước thực hiện từ Chi cục Hải quan khu vực kiểm tra và thực hiện ra Quyết định đối với địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa hoặc báo cáo Cục trưởng Cục Hải quan ra Quyết định đối với kho ngoại quan, CFS, kho hàng không kéo dài, cửa hàng miễn thuế, địa điểm kiểm tra tập trung và địa điểm hàng chuyển phát nhanh, bưu chính.

- Giảm thời gian thực hiện: từ 15 ngày còn 07 ngày.

- Thay đổi cách thức thực hiện từ hồ sơ giấy sang thực hiện đăng ký trực tuyến trên nền tảng dịch vụ công trực tuyến.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) để giao cho Hải quan quản lý kho bãi địa điểm đối với địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa (trừ kho ngoại quan, CFS, kho hàng không kéo dài, cửa hàng miễn thuế, địa điểm kiểm tra tập trung và địa điểm hàng chuyển phát nhanh, bưu chính vẫn thực hiện tại cấp Cục Hải quan).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

24. Thủ tục hành chính 24: Thủ tục cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ (đối với doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ nằm trong khu vực cảng biển, cảng cạn là doanh nghiệp kinh doanh cảng) (Mã số TTHC: 1.009109)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Đối với loại hình CFS trong cảng sau này sẽ không phân biệt với CFS ngoài cảng như quy định hiện hành. Theo đó, việc bãi bỏ TTHC này để tạo sự thống nhất trong thực hiện TTHC giữa loại hình CFS trong cảng sẽ và loại hình CFS ngoài cảng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

25. Thủ tục hành chính 25: Thủ tục công nhận địa điểm thu gom hàng lẻ (Mã số TTHC: 1.009126)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này và sửa đổi thành một quy trình của thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

26. Thủ tục hành chính 26: Thủ tục công nhận kho ngoại quan (Mã số TTHC: 1.009124)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này và sửa đổi thành một quy trình của thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

27. Thủ tục hành chính 27: Thủ tục công nhận kho hàng không kéo dài (Mã số TTHC: 1.009127)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này và sửa đổi thành một quy trình của thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

28. Thủ tục hành chính 28: Thủ tục công nhận hoạt động địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (Mã số TTHC: 1.009128)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do:

- Cục Hải quan sẽ thực hiện mô hình thông quan tập trung sau sắp xếp tổ chức, bộ máy nên không bố trí một địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn.

Đối với các cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (cảng cạn) mới được Bộ Xây dựng công bố, Cục Hải quan sẽ ra quyết định công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung như các khu vực cảng biển, cảng hàng không, ...

Đối với các địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (cảng cạn) đã được công nhận trước đây tiếp tục hoạt động như các địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

29. Thủ tục hành chính 29: Thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới (Mã số TTHC: 1.009129)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thủ tục về kho bãi, địa điểm thành thủ tục thành 01 thủ tục công nhận các kho bãi, địa điểm.

- Cắt giảm 04/05 thành phần hồ sơ (tương đương giảm 80% thành phần hồ sơ) gồm:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư.

+ Sơ đồ thiết kế.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy, chữa cháy.

+ Văn bản quy hoạch cảng hàng không quốc tế/văn bản cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logisics.

- Giảm 50% các bước thực hiện từ Chi cục Hải quan khu vực kiểm tra và thực hiện công nhận.

- Giảm thời gian thực hiện: từ 15 ngày còn 07 ngày.

- Thay đổi phương thức thực hiện từ hồ sơ giấy thành thực hiện đăng ký trực tuyến trên nền tảng dịch vụ công trực tuyến.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) để giao cho Chi cục Hải quan khu vực đối với địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa (trừ kho ngoại quan, CFS, kho hàng không kéo dài, cửa hàng miễn thuế, địa điểm kiểm tra tập trung và địa điểm hàng chuyển phát nhanh, bưu chính vẫn thực hiện tại cấp Cục Hải quan).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

30. Thủ tục hành chính 30: Thủ tục chấm dứt hoạt động địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (Mã số TTHC: 1.009133)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do:

- Cục Hải quan sẽ thực hiện mô hình thông quan tập trung sau sắp xếp tổ chức, bộ máy nên không bố trí một địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn.

Đối với các cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (cảng cạn) mới được Bộ Xây dựng công bố, Cục Hải quan sẽ ra quyết định công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung như các khu vực cảng biển, cảng hàng không, ...

Đối với các địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (cảng cạn) đã được công nhận trước đây tiếp tục hoạt động như các địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

31. Thủ tục hành chính 31: Thủ tục tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan (Mã số TTHC: 1.012838)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Căn cứ khoản 5 Điều 33 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, khoản 1, 2 Điều 134 Luật Quản lý thuế 2019 quy định về việc cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ, khoản 5 Điều 124 Luật Quản lý thuế về trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, theo đó, NNT nếu đáp ứng điều kiện có đăng ký bảo lãnh, thuộc trường hợp nợ quá hạn quá 90 ngày, thì được nộp dần tiền thuế nợ và tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan theo quy định. Vì vậy, TTHC này đang bị trùng lắp với TTHC nộp dần tiền thuế nợ được quy định tại Luật Quản lý thuế năm 2019.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5, Điều 33 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

32. Thủ tục hành chính 32: Thủ tục xét hoàn thuế xe ô tô chuyên dùng được sản xuất, lắp ráp từ xe ô tô sát xi (Mã số TTHC: 1.007231)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Nhằm cắt giảm các TTHC không cần thiết trong quá trình thực hiện kinh doanh của doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

33. Thủ tục hành chính 33: Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô (Mã số TTHC: 1.008679)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ ô tô là miễn thuế nhập khẩu ưu đãi đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện để sản xuất, gia công (lắp ráp) các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho ngành sản xuất, lắp ráp ô tô. Do đó, đề xuất nghiên cứu sửa Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (Điều 16) để miễn thuế nhập khẩu đối với trường này để đơn giản hóa thủ tục thực hiện cho cả doanh nghiệp và cơ quan hải quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Điều 9 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

34. Thủ tục hành chính 34: Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ (CNHT) ô tô (Mã số TTHC: 1.008677)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ ô tô là miễn thuế nhập khẩu ưu đãi đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện để sản xuất, gia công (lắp ráp) các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho ngành sản xuất, lắp ráp ô tô. Do đó, đề xuất sửa Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 16) để miễn thuế nhập khẩu đối với trường hợp này, đồng thời đơn giản hóa thủ tục thực hiện cho cả doanh nghiệp và cơ quan hải quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Điều 9 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

35. Thủ tục hành chính 35: Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô (Mã số TTHC: 1.007240).

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô là miễn thuế nhập khẩu ưu đãi đối với linh kiện ô tô nhập khẩu nhằm phát triển ngành lắp ráp ô tô. Do đó, đề xuất sửa Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để miễn thuế nhập khẩu đối với trường hợp này, đồng thời đơn giản hóa thủ tục thực hiện cho cả doanh nghiệp và cơ quan hải quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Điều 8 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

36. Thủ tục hành chính 36: Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49 (Mã số TTHC: 1.007240)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô là miễn thuế nhập khẩu ưu đãi đối với linh kiện ô tô nhập khẩu nhằm phát triển ngành lắp ráp ô tô. Do đó, đề xuất sửa Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để miễn thuế nhập khẩu đối với trường hợp này để đơn giản hóa thủ tục thực hiện cho cả doanh nghiệp và cơ quan hải quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Điều 8 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

37. Thủ tục hành chính 37: Thủ tục đăng ký kết nối, hủy kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử (Mã TTHC: 1.001329)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do:

- TTHC ít phát sinh hồ sơ (từ năm 2016 đến nay, chỉ có 01 đơn vị gửi đề nghị đăng ký kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử); việc quy định TTHC này không còn phù hợp trên thực tiễn.

- Khi cơ quan/đơn vị có nhu cầu tra cứu thông tin tờ khai hải quan điện tử thì chỉ cần đăng ký tài khoản truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử. Sau khi được cấp tài khoản, cơ quan/đơn vị truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử và tra cứu được thông tin tờ khai hải quan để sử dụng mà không cần đăng ký kết nối hệ thống với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 8, 9, Điều 9 Quyết định số 33/2016/QĐ-TTg ngày 19/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

38. Nhóm thủ tục hành chính 38, 39: Thủ tục đăng ký tài khoản người sử dụng Cổng Thông tin một cửa quốc gia (Mã số TTHC: 3.000110); Thủ tục đăng ký sử dụng chữ ký số để thực hiện các thủ tục hành chính hải quan một cửa (Mã số TTHC: 3.000111)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm, đơn giản hóa theo hướng thực hiện 01 TTHC về sử dụng tài khoản trên Cổng Thông tin một cửa quốc gia (thực hiện đồng thời 1 lần).

Lý do: Người sử dụng trên Cổng Thông tin một cửa quốc gia thực hiện đồng thời đăng ký tài khoản và đăng ký sử dụng chữ ký số.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11, Điều 12 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

39. Thủ tục hành chính 40: Thủ tục thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hoá xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu (Mã số TTHC: 1.011724)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành 1 quy trình của thủ tục kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan của doanh nghiệp chế xuất.

- Giảm các loại giấy tờ yêu cầu nộp: Tích hợp 02 loại thông báo cơ sở sản xuất và thông báo đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát của doanh nghiệp chế xuất thành 01 thông báo.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 28a Nghị định số 18/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 56 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

II. ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1. Điều kiện kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 03 điều kiện công nhận kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ:

- Có phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất dữ liệu trực tuyến cho cơ quan hải quan về tên hàng, chủng loại, số lượng, tình trạng của hàng hoá, thời điểm hàng hoá đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong kho ngoại quan/địa điểm thu gom hàng lẻ chi tiết theo vận đơn và/hoặc tờ khai hải quan để quản lý theo Hệ thống quản lý, giám sát hàng hoá tự động.

- Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được mọi vị trí của kho ngoại quan, bãi ngoại quan (bao gồm cổng, cửa và trong kho bãi, riêng kho ngoại quan chứa hàng đông lạnh không phải lắp đặt trong kho), đại điểm thu gom hàng lẻ vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 06 tháng.

- Đối với địa điểm thu gom hàng lẻ: Phải có hàng rào ngăn cách với khu vực xung quanh, bảo đảm điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan như nơi làm việc, nơi kiểm tra hàng hoá, nơi lắp đặt trang thiết bị kiểm tra hải quan, kho chứa tang vật vi phạm theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 10, Điều 19 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; khoản 6, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Điều kiện công nhận địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn; địa điểm tập kết, kiểm tra, giát sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa 01 điều kiện, bãi bỏ 03 điều kiện:

- Sửa yêu cầu về vị trí đối với địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính thành điều kiện kinh doanh chung về các loại hình kho, bãi, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan:

+ Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tập trung nằm trong các khu vực cửa khẩu hoặc khu công nghiệp hoặc khu công nghệ cao hoặc khu kinh tế cửa khẩu khu vực được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics.

+ Địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh, trừ địa điểm chỉ có doanh nghiệp được chỉ định theo Luật Bưu chính hoạt động, nằm trong quy hoạch khu vực cửa khẩu đường bộ quốc tế hoặc cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế hoặc khu vực được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics;

+ Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới nằm trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc khu vực cửa khẩu biên giới đất liền. Trường hợp nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu thì cách khu vực cửa khẩu không quá 10 km.

- Bãi bỏ điều kiện: Có phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất dữ liệu trực tuyến cho cơ quan hải quan về tên hàng, số lượng, tình trạng của hàng hoá, thời điểm hàng hoá đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong địa điểm chi tiết theo vận đơn và/hoặc tờ khai hải quan để quản lý theo Hệ thống quản lý giám sát hàng hoá tự động.

- Bãi bỏ điều kiện: Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được mọi vị trí của địa điểm làm thủ tục hải quan vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh lưu giữ tối thiểu 06 tháng.

- Bãi bỏ điều kiện: Đối với địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính: Địa điểm được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng hệ thống tường rào, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan, trừ địa điểm nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 16, 21, 22, 25 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Điều kiện công nhận kho hàng không kéo dài; xác nhận kho xăng dầu đủ điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan; công nhận kho bảo thuế; công nhận kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng hàng biển, cảng thuỷ nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 09 điều kiện:

- Áp dụng với kho bảo thuế: Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu có kim ngạch xuất khẩu từ 40 triệu USD trở lên.

- Có phần mềm đáp ứng yêu cầu để quản lý theo Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động.

- Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan.

- Đối với kho hàng không kéo dài: Kho, bãi được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường rào, có khu vực chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu riêng biệt.

- Đối với kho bảo thuế: Có hệ thống sổ kế toán và ứng dụng công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn của cơ quan quản lý nhà nước để theo dõi, quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong kho.

- Đối với kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế: Địa điểm được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng hệ thống tường rào, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan, trừ địa điểm nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh.

- Có hoạt động xuất khẩu ít nhất 02 năm liên tục trở lên mà không vi phạm pháp luật về hải quan và pháp luật thuế.

- Tuân thủ pháp luật kế toán, thống kê.

- Thực hiện thanh toán qua ngân hàng theo quy định của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 16, 21, 22, 25 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Điều 1 Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

Phần II
LĨNH VỰC THUẾ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế (Mã số TTHC: 1.008501)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do:

- Do thay đổi phương thức thực hiện TTHC cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế được thực hiện trực tuyến toàn trình dẫn tới các thông tin về mã số thuế được lưu trữ và khai thác điện tử mà vẫn giữ

nguyên giá trị pháp lý của mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp cho NNT. Do vậy, NNT có thể khai thác thông tin điện tử về chứng nhận mã số thuế mà không cần thực hiện TTHC cấp lại chứng nhận đăng ký thuế và thông báo mã số thuế.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 34 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Nhóm thủ tục hành chính 2, 3: Gia hạn nộp thuế (Mã số TTHC: 1.008590); Gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất (Mã số TTHC: 1.011010)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, hỗ trợ kê khai tự động một số chỉ tiêu trên tờ khai; hợp nhất các nội dung tương đồng thành 01 TTHC.

- Đơn giản hóa các mẫu biểu gia hạn tiền cấp quyền khai thác khoảng sản (gồm mẫu số 01/GHKS, 02/GHKS, 03/GHKS, 04/GHKS ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ), thiết kế chung với các mẫu biểu gia hạn nộp thuế (mẫu số 01/GHAN, 02/GHAN, 03/GHAN ... ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính).

- Đơn giản hóa tờ khai (giảm chỉ tiêu "ngành nghề kinh doanh chính").

Lý do:

- Do TTHC gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng (TTHC 1.011010) có sự tương đồng về trình tự, thủ tục, mẫu biểu với TTHC gia hạn nộp thuế (TTHC 1.008590). Theo đó, đơn giản hóa quy trình, biểu mẫu, hồ sơ TTHC để tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Đã có dữ liệu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nên chỉ tiêu "ngành nghề kinh doanh chính" không cần thiết phải kê khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 62 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; sửa đổi Điều 20 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; sửa đổi Điều 24 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Nhóm thủ tục hành chính 4, 5: Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (Mã số TTHC: 1.007040); Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học (Mã số TTHC: 1007041)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Quy định kê khai tự động một số chỉ tiêu trên tờ khai; hợp nhất các nội dung tương đồng thành 01 TTHC.

Lý do:

- Tại mẫu biểu TTHC mã 1.007040 (tờ khai 01/TTĐB) và TTHC mã 1007041 (tờ khai 02/TTĐB) có các chỉ tiêu từ [01] đến [11c] giống nhau nên có thể thiết kế các chỉ tiêu của 2 tờ khai tại 01 tờ khai gồm 02 phần áp dụng cho hai nhóm hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau mà vẫn giữ nguyên các chỉ tiêu kê khai và thành phần hồ sơ. Hệ thống ứng dụng của cơ quan thuế không bị ảnh hưởng do không có thay đổi các chỉ tiêu kê khai, thành phần hồ sơ mà chỉ cần nâng cấp để ghép 2 tờ khai 01/TTĐB và 02/TTĐB với nhau. Đồng thời, đây là TTHC dịch công trực tuyến toàn trình nên khi người nộp thuế (NNT) thực hiện kê khai hồ sơ khai thuế, hệ thống ứng dụng của ngành Thuế sẽ hỗ trợ NNT xác định các chỉ tiêu có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình thực hiện kê khai theo đúng nội dung kinh tế phát sinh, góp phần giảm chi phí tuân thủ của NNT.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi mục 3.1, mục 3.2 Phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; sửa đổi mục III, Phụ lục 2 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Nhóm thủ tục hành chính 6, 7: Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí (Mã số TTHC: 1.008346); Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số TTHC: 1.010948)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN hoặc mẫu số 03-1B/TNDN hoặc mẫu số 03-1C/TNDN.

Lý do:

- Hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành thuế đã bao gồm Báo cáo tài chính, trong đó có các thông tin về Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương tự Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu 03-1A/TNDN, 03-1B/TNDN, 03-1C/TNDN. Cơ quan thuế có thể khai thác dữ liệu kết quả kinh doanh trực tiếp từ nguồn báo cáo tài chính phục vụ cho công tác quản lý thuế. Do vậy, để tạo điều kiện cho NNT, giảm chi phí tuân thủ, tránh việc phải kê khai các mẫu biểu tương tự nhau, đề xuất bỏ thành phần hồ sơ trên và cơ quan thuế thực hiện khai thác dữ liệu trên hệ thống của ngành.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi mục 7.2 Phụ lục 1 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Bỏ 03 các biểu mẫu: số 03-1A/TNDN, số 03-1B/TNDN, số 03-1C/TNDN); sửa đổi mục VI Phụ lục 2 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

5. Thủ tục hành chính 8: Khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý (Mã số TTHC: 1.010950)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do:

- Việc bãi bỏ quy định NNT phải nộp "Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý" và cơ quan thuế tự xác định lại số thuế phải nộp tăng thêm sẽ giúp đơn giản hóa việc theo dõi, kiểm soát tờ khai thuế của cơ quan thuế cũng như kiểm soát chặt chẽ thông tin kê khai của NNT.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 9; mục 17 Phụ lục 1 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (bỏ tờ khai 02/XĐ-PNTT).

- Sửa đổi mục XV Phụ lục 2 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính theo hưởng bãi bỏ tờ khai 02/XĐ-PNTT.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Nhóm thủ tục hành chính 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15: Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (Mã số TTHC 1.007674); khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp góp vốn bằng bất động sản (Mã số TTHC: 1.007678); khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.007684); khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) (Mã số TTHC: 1.007682); khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài (Mã số TTHC: 1.008536); Khai thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức nơi cá nhân có vốn góp khai thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân góp vốn bằng bất động sản (Mã số TTHC: 1.011009); khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài (Mã số TTHC: 1.008539).

a) Nội dung đơn giản hóa

- Hợp nhất 07 TTHC về khai thuế thu nhập cá nhân (TNCN) khai thay thuế TNCN thành 01 TTHC; đơn giản hóa mẫu biểu tờ khai; thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình; hỗ trợ kê khai tự động một số chỉ tiêu trên tờ khai.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày.

- Đơn giản hóa, giảm chỉ tiêu kê khai mẫu 03/BĐS-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Lý do: 07 TTHC có sử dụng chung mẫu tờ khai 03/BĐS-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính. Đồng thời, TTHC dự kiến sẽ triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, do đó, hệ thống ứng dụng của cơ quan thuế sẽ hỗ trợ để NNT lựa chọn trường hợp khai thuế phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ;

- Sửa đổi Mẫu 03/BĐS-TNCN số 47 mục VII, Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7. Thủ tục hành chính 16: Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý của tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với tiền lương, tiền công (Mã số TTHC: 2.002235)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đề xuất giảm tần suất kê khai (bỏ khai tháng sang khai quý); đơn giản hóa mẫu biểu tờ khai; thực hiện hỗ trợ tự động tính toán đối với một số chỉ tiêu trên tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; sửa Phụ lục I, mục 9.9, điểm a Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ;

- Sửa mẫu biểu Phụ lục 2, mục VII, STT 54, 55 tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

8. Thủ tục hành chính 17: Khai quyết toán thuế/ Hoàn thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế (Mã số TTHC: 2.002233)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ khi triển khai cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử.

- Bỏ thành phần hồ sơ đăng ký người phụ thuộc quy định tại khoản 9.11 thuộc Phụ lục Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Sửa đổi, đơn giản hóa mẫu số 02/QTT-TNCN trong Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Lý do:

- Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 2 Điều 6 Nghị định 123/2020/NĐ-CP và khoản 3, khoản 22 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP về chứng từ điện tử và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử đề xuất bổ sung quy định về trường hợp tổ chức trả thu nhập thực hiện chuyển dữ liệu

chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đến cơ quan thuế, NNT không cần nộp bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ góp phần đơn giản hóa thành phần hồ sơ, giảm gánh nặng hành chính cho NNT, phù hợp với định hướng chuyển đổi số và cải cách TTHC của Chính phủ.

- Để bảo đảm không trùng lặp thành phần hồ sơ và có thể truy vấn được thông tin quan hệ của NNT và người phụ thuộc trên cơ sở mã định danh cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm b khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Sửa đổi mẫu biểu 7/XN-NNT-TNCN tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC.

- Sửa mẫu biểu số 02/QTT-TNCN, 02-1/BK-QTT-TNCN, 02-1/BK-QTT-TNCN Phụ lục 2, mục VII Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Nhóm thủ tục hành chính 18, 19, 20, 21, 22, 23: Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập (Mã số TTHC: 1.008498); đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập (Mã số TTHC: 1.008500); đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (Mã số TTHC: 2.002229); đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế (Mã số TTHC 1.008499); đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế (Mã số TTHC: 1.010241); đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh (Mã số TTHC: 1.007565).

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo hướng tích hợp các TTHC đăng ký thuế mã 1.008500, 2.002229, 1.007565, 1.010241 và 1.008499 vào TTHC mã 1.008498. Tên TTHC mới: Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân, người phụ thuộc.

- Đề xuất bỏ thành phần hồ sơ trong TTHC đăng ký người phụ thuộc tại Phụ lục I, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

- Bãi bỏ các mẫu 07/ĐK-NPT-TNCN (Bản đăng ký người phụ thuộc) và mẫu 07/THĐK-NPT-TNCN (Bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc cho người giảm trừ gia cảnh) áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện đăng ký giảm trừ người phụ thuộc cho người lao động tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC.

Lý do:

- Đề xuất hợp nhất các TTHC đăng ký người phụ thuộc (NPT) giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công vào TTHC đăng ký thuế lần đầu quy định tại Thông tư 86/2024/TT-BTC do các TTHC này có nội dung kê khai tương đồng.

- Các chỉ tiêu về thông tin quan hệ của NNT và người phụ thuộc trên các tờ khai 07/ĐK-NPT-TNCN (Bản đăng ký người phụ thuộc) và mẫu 07/THĐK-NPT-TNCN tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC sẽ được cơ quan giải quyết TTHC truy vấn được từ cơ sở dữ liệu quốc gia theo mã định danh cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Phụ lục I, mục 9.11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 19/10/2020 của Chính phủ.

- Bãi bỏ các mẫu biểu đăng ký giảm trừ gia cảnh (mẫu số 07/ĐK-NPT-TNCN và mẫu số 07/THĐK-NPT-TNCN) tại Phụ lục II, mục VII Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Sửa đổi mẫu biểu 07/XN-NNT-TNCN tại Phụ lục kèm theoThông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

10. Thủ tục hành chính 24: Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là các tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu, không phải là bất động sản (Mã số TTHC: 1.008538)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày và đơn giản hóa mẫu biểu tờ khai, thực hiện hỗ trợ kê khai tự động một số chỉ tiêu trên tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa khoản a,1 điểm 4 Điều 13 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Sửa mẫu 04/TKQT-TNCN, Phụ lục 2, mục VII kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

11. Thủ tục hành chính 25: Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (bao gồm cả cá nhân nhận thưởng bằng cổ phiếu từ đơn vị sử dụng lao động) thuộc diện khai thuế thu nhập cá nhân trực tiếp với cơ quan thuế (Mã số TTHC: 2.002237)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm tuần suất kê khai (bỏ khai tháng sang quý) và đơn giản hóa mẫu biểu 02/KK-TNCN.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 8; sửa điểm a, mục 9.2, Phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Sửa Phụ lục 2, mục VII, sửa mẫu biểu 02/KK-TNCN kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

12. Thủ tục hành chính 26: Đăng ký cấp, cấp lại giấy xác nhận kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế/Thông báo thay đổi thông tin nhân viên đại lý thuế/Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (Mã số: 1.010239)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC theo hướng cho phép cá nhân/tổ chức tự đăng ký hoạt động dịch vụ làm thủ tục thuế và thông báo với cơ quan thuế (dự kiến cắt giảm điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục thuế).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa quy định tại Điều 103 Luật Quản lý thuế.

- Sửa quy định tại Chương V Quản lý hành nghề đối với đại lý thuế; quy định tại Chương III Quản lý hành nghề đối với nhân viên đại lý thuế tại Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

13. Thủ tục hành chính 27: Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế (Mã số TTHC: 1.008548)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: NNT tự chịu trách nhiệm việc kê khai, nộp các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp TNDN, tài nguyên theo tờ khai tạm tính và quyết toán.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm s khoản 4 Điều 8; Bỏ điểm d khoản 14.1 Điều 14 Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

14. Nhóm thủ tục hành chính 28, 29: Khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên áp dụng cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1 (Mã số TTHC 1.008552); khai quyết toán thuế tài nguyên/khai quyết toán phụ thu/khai quyết toán thuế TNDN của Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1 (Mã số TTHC 1.008554)

a) Nội dung đơn giản hóa

Hợp nhất 02 TTHC thành 01 TTHC: Khai quyết toán thuế tài nguyên/Khai quyết toán phụ thu/Khai quyết toán thuế TNDN của Liên doanh/khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên áp dụng cho Vietsovpetro tại Lô 09.1.

Lý do: Nội dung của TTHC đều là quyết toán các sắc thuế tạm tính của Liên doanh Vietsovpetro theo quy định tại Hiệp định liên Chính phủ Việt Nam và Liên bang Nga, do đó thống nhất 01 quy trình thực hiện để đơn giản hóa TTHC, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

15. Nhóm thủ tục hành chính 30, 31, 32: Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên trừ Lô 09.1 (Mã số TTHC 1.008326); khai thuế tạm tính cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1 (Mã số TTHC 1.008551); khai thuế tài nguyên tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên trừ Lô 09.1 (Mã số TTHC 1.008547)

a) Nội dung đơn giản hóa

Hợp nhất 03 TTHC thành 01 TTHC: Khai thuế tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên và quy định 01 bộ tờ khai mới gồm 01 tờ khai và 01 Phụ lục trên cơ sở hợp nhất 03 mẫu biểu 01/TNDN-DK, 01/TK-DK và 01/TAIN-DK tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Lý do: Các TTHC có cùng nguyên tắc tính thuế trên cơ sở tỷ lệ phần trăm trên doanh thu và cùng nguyên tắc khai tạm tính theo lần phát sinh đối với dầu thô, Condensate và theo tháng đối với khí thiên nhiên. Việc đơn giản hóa TTHC tạo thuận lợi cho đối tượng nộp thuế.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; sửa đổi các mẫu biểu 01/TNDN-DK, 01/TK-DK và 01/TAIN-DK ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

16. Nhóm thủ tục hành chính 33, 34: Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm (Mã số TTHC: 1.010990); Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1 (Mã số TTHC: 1.010991)

a) Nội dung đơn giản hóa

Hợp nhất 02 TTHC thành 01 TTHC: Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà đối với hoạt động dầu khí và quy định 01 mẫu tờ khai mới trên cơ sở hợp nhất 02 mẫu biểu 01/LNCN-PSC và 01/LNCN-VSP ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Lý do: Việc khai tạm tính tiền lãi dầu khí nước chủ nhà được chia do PVN thực hiện với vai trò đại diện nước chủ nhà. Do đó, thống nhất 01 quy trình thực hiện để đơn giản hóa TTHC, tạo thuận lợi cho đối tượng nộp thuế.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; sửa mẫu biểu 01/LNCN-PSC và mẫu biểu 01/LNCN-VSP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

17. Nhóm thủ tục hành chính 35, 36: Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm (Mã số TTHC: 1.010992); khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1 (Mã số TTHC: 1.010993)

a) Nội dung đơn giản hóa

Hợp nhất 02 TTHC thành 01 TTHC: Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà đối với hoạt động dầu khí và quy định 01 tờ khai mới trên cơ sở hợp nhất 02 mẫu biểu 02/LNCN-PSC và 02/LNCN-VSP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Lý do: Việc khai tạm Quyết toán tiền lãi dầu khí nước chủ nhà được chia do PVN thực hiện với vai trò đại diện nước chủ nhà. Do đó, thống nhất 01 quy trình thực hiện để đơn giản hóa TTHC, tạo thuận lợi cho đối tượng nộp thuế.

b) Kiến nghị thực thi

- Thay đổi Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; sửa mẫu biểu 02/LNCN-PSC và 02/LNCN-VSP ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

18. Thủ tục hành chính 37: Khai quyết toán phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng (trừ Lô 09.1) (Mã TTHC số: 1.010995)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Quy định thống nhất 01 Tờ khai thay cho 02 Tờ khai 02/PTHU-DK và 03/PTHU-DK.

Lý do: Đây là 02 tờ khai quyết toán phụ thu áp dụng cho dự án khuyến khích và dự án thông thường. Theo quy định tại Nghị định 100/2009/NĐ-CP, mức phụ thu là 30% đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư và 50% - 60% đối với dự án thông thường. Tuy nhiên, cơ sở tính phụ thu của 02 tờ khai này là giống nhau: theo giá dầu cơ sở do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Kế hoạch phát triển mỏ của từng hợp đồng dầu khí và giá bán dầu bình quân năm, cùng thời hạn khai quyết toán. Do đó, việc ghép hai tờ khai và tích chọn dự án trong tờ khai giúp tạo thuận lợi cho NNT trong việc chọn Tờ khai thuế.

b) Kiến nghị thực thi

- Thay đổi Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

19. Thủ tục hành chính 38: Khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý (Mã số TTHC: 1.010999)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Qua rà soát, đối với nghiệp vụ khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý đối với các ngân hàng hiện nay như sau:

Đây là tài sản bảo đảm được khách hàng dùng thế chấp cho khoản vay, do vậy tài sản này các ngân hàng được sử dụng trong thời gian chờ xử lý, quyền sở hữu vẫn thuộc của khách hàng vay. Đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý của các ngân hàng hiện nay không tách riêng được, do vậy các thu nhập nhận được phát sinh từ hoạt động kinh doanh này đang được các ngân hàng hạch toán chung vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ hoạt động này được ngân hàng kê khai nộp thuế giá trị gia tăng (mẫu số 01/GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (mẫu 03/TNDN).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 5 Điều 7; hủy bỏ tờ khai Mẫu số 01/KTTSBĐ kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

20. Thủ tục hành chính 39: Khai thuế đối với tái bảo hiểm nước ngoài (Mã số TTHC: 1.008331)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa, điều chỉnh các chỉ tiêu kê khai tại tờ khai thuế.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

21. Nhóm thủ tục hành chính 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48: Tiêu huỷ hoá đơn đặt in mua của cơ quan thuế (Mã số TTHC: 1.007033); báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn đặt in đã mua của cơ quan thuế và bảng kê hóa đơn sử dụng trong kỳ/Gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế đối với trường hợp mua hóa đơn của cơ quan thuế (Mã số TTHC: 1.007709); xử lý mất, cháy, hỏng

hoá đơn đặt in đã mua của cơ quan thuế (Mã số TTHC 1.008304); mua hóa đơn do cơ quan thuế đặt in (Mã số TTHC: 1.007032); thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành biên lai (Mã số TTHC: 1.007713); thông báo phát hành biên lai đặt in/tự in (Mã số TTHC: 1.008307); báo cáo biên lai đặt in, tự in trong trường hợp mất, cháy, hỏng (Mã số TTHC: 1.007710); báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu phí, lệ phí (Mã số TTHC: 1.008310); tiêu hủy biên lai (Mã số TTHC: 1.008313)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 09 TTHC này.

Lý do: Do thực tế hiện nay đã áp dụng hóa đơn điện tử trên toàn quốc và đối tượng được phép sử dụng hóa đơn đặt in của cơ quan thuế được giới hạn theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; sửa đổi khoản 2 Điều 20 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

22. Nhóm thủ tục hành chính 49, 50: Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Mã số TTHC 1.011024); khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm (Mã số TTHC 1.007695)

a) Nội dung đơn giản hóa

Hợp nhất 02 TTHC thành 01 TTHC theo hướng thống nhất 01 mẫu tờ khai thay thế cho 02 mẫu tờ khai 01/TK-SDDPNN và 04/TK-SDDPNN.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm 11.1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ;

- Sửa đổi khoản 1 Điều 57 Thông tư 80/2021/TT-BTC và sửa đổi mẫu 01/TK-SDDPNN, 04/TK-SDDPNN tại Thông tư 80/2021/TT-BTC để bao quát (phù hợp để khai các tình huống) có chứa đựng cả thông tin đề nghị miễn giảm, NNT không phải nộp hồ sơ đề nghị miễn giảm riêng.

- Sửa đổi mẫu 02/TK-SDDPNN dành cho tổ chức cũng bao gồm thông tin đề nghị miễn, giảm tại Thông tư 80/2021/TT-BTC.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

23. Nhóm thủ tục hành chính 51, 52: Khai quyết toán thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên (Mã số TTHC 1.008549); khai thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên (Mã số TTHC 1.008312)

a) Nội dung đơn giản hóa

Hợp nhất 02 TTHC thành 01 TTHC theo hướng quy định thống nhất một mẫu tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm 5 Phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; sửa đổi mẫu số 02/TAIN và mẫu số 01-1/TAIN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC này 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

24. Nhóm thủ tục hành chính 53, 54: Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Mã số TTHC 1.008317); khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Mã số TTHC 1.008321)

a) Nội dung đơn giản hóa

Hợp nhất 02 TTHC thành 01 TTHC theo hướng quy định thống nhất một mẫu tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm 12.1 (a) Phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; sửa đổi mẫu 02/PBVMT ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

25. Nhóm thủ tục hành chính 55, 56: Khai quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước (Mã số TTHC 1.008319); khai phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước (Mã số TTHC 1.008325)

a) Nội dung đơn giản hóa

Hợp nhất 02 TTHC thành 01 TTHC và quy định thống nhất một mẫu tờ khai để cắt giảm thành phần hồ sơ thực hiện TTHC.

Lý do: Vì các mẫu tờ khai tại 02 TTHC trên hiện có các thông tin tương đồng, do dó, gộp TTHC tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm 12.1 (b1) Phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; sửa mẫu 02/PH ban hành theo Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

26. Thủ tục hành chính 57: Giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ theo pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt (Mã số TTHC: 3.000084)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Do trong thực tế không phát sinh đối tượng thực hiện TTHC. Trường hợp NNT gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ theo pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt thường nhận được chính sách hỗ trợ cụ thể mà không cần phải thực hiện TTHC để được giảm thuế tiêu thụ đặc biệt.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

27. Thủ tục hành chính 58: Khai lệ phí môn bài (Mã số TTHC: 1.008338)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Cơ quan thuế sử dụng thông tin do cơ quan đăng ký kinh doanh truyền tự động để ra thông báo số tiền lệ phí môn bài phải nộp đối với từng tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm a khoản 3 Điều 8, điểm k khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 10, điểm e khoản 1 Điều 13, khoản 9 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; bãi bỏ mẫu 01/LPMB ban hành theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính..

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

28. Thủ tục hành chính 59: Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác (Mã số TTHC: 1.008333)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thành phần hồ sơ là bản sao Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hành nghề.

Lý do: Bản sao Giấy phép kinh doanh đã được gửi cho cơ quan thuế khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế lần đầu để được cấp mã số thuế. Đồng thời, việc hiện TTHC dịch vụ công trực tuyến, bản sao Giấy phép kinh doanh/Giấy

phép hành nghề sẽ được tích hợp, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thuế của Bộ Tài chính, cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm 13.2.a Phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

29. Thủ tục hành chính 60: Khai thuế đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % tính trên doanh thu (Mã TTHC: 1.010345)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thành phần hồ sơ là Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hành nghề.

Lý do: Bản sao Giấy phép kinh doanh đã được gửi cho cơ quan thuế khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế lần đầu để được cấp mã số thuế. Đồng thời, việc hiện TTHC dịch vụ công trực tuyến, bản sao Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hành nghề sẽ được tích hợp, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thuế của Bộ Tài chính, cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm 13.3.a Phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

30. Nhóm thủ tục hành chính 61, 62: Báo cáo APA thường niên (Mã số TTHC 1.008598); Báo cáo APA đột xuất (Mã số TTHC 1.008599)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ 02 TTHC này.

Lý do:

- Theo quy định hiện hành, NNT phải nộp báo cáo APA thường niên cho từng năm tính thuế; trường hợp trong quá trình thực hiện APA nếu phát sinh các sự kiện gây ảnh hưởng trọng yếu đến việc tiếp tục thực hiện APA hoặc ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và kê khai thuế của NNT thì NNT có trách nhiệm báo cáo với cơ quan thuế. Tuy nhiên, mục đích của việc yêu cầu NNT báo cáo sự kiện phát sinh sự kiện có ảnh hưởng trọng yếu đến việc tiếp tục thực hiện APA là để việc xem xét đề nghị gia hạn, sửa đổi hay huỷ bỏ APA đã ký. Theo đó:

- Trường hợp sự kiện phát sinh trong năm có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và kê khai thuế thì đã được phản ánh vào tờ khai thuế quyết toán TNDN (bao gồm thông tin kê khai trên Phụ lục xác định giá giao dịch liên kết);

- Trường hợp phát sinh sự kiện đột xuất trong năm mà theo đánh giá của NNT cần phải sửa đổi/huỷ bỏ APA (trong trường hợp bất lợi) hoặc NNT vẫn có mong muốn gia hạn APA đang thực hiện (trong trường hợp thuận lợi), thì các nội dung mà NNT cần báo cáo và đề xuất của NNT nay đã được gộp vào thủ tục "Đề nghị áp dụng APA chính thức".

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 7 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

31. Thủ tục hành chính 63: Đề nghị tham vấn trước khi nộp hồ sơ APA chính thức (Mã số TTHC: 1.008601)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Theo quy định hiện hành thì đây là TTHC không bắt buộc. Trên thực tế từ khi Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành thì NNT nộp hồ sơ chính thức luôn mà không qua bước tham vấn.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

32. Nhóm thủ tục hành chính 64, 65, 66, 67, 68: (64): Đề nghị áp dụng APA chính thức (Mã số TTHC 1.010331); (65) Gia hạn APA (Mã số TTHC 1.010332); (66) Thỏa thuận song phương (Mã số TTHC 1.010333); (67) Sửa đổi APA (Mã số TTHC 1.010334); (68) Hủy bỏ APA (Mã số TTHC 1.010335)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Hợp nhất 05 TTHC thành 01 TTHC: Đề nghị áp dụng APA chính thức và quy định thống nhất thành 01 bộ tờ khai mới.

- Bãi bỏ nội dung liên quan đến việc đề nghị gia hạn xuất phát từ phía NNT; nội dung liên quan đến việc đề nghị sửa đổi xuất phát từ phía NNT; nội dung liên quan đến việc đề nghị huỷ bỏ xuất phát từ phía NNT. Bổ sung quy định trường hợp NNT có nhu cầu gia hạn, sửa đổi hay huỷ bỏ APA đang thực hiện thì nộp Đơn đề nghị áp dụng APA chính thức có kê khai các chỉ tiêu và thuyết minh tương ứng.

Lý do: Về bản chất APA song phương là thỏa thuận giữa các cơ quan thuế ký hiệp định thuế với nhau để xác định nghĩa vụ thuế của NNT có liên quan, tránh đánh thuế trùng. Khi NNT đề nghị áp dụng APA song phương là đề nghị thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương theo Hiệp định thuế. Do đó đề xuất gộp chung các chỉ tiêu cần thiết của thủ tục này vào mẫu đơn Đề nghị áp dụng APA chính thức để đơn giản hoá thủ tục cho NNT.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 8, 9, 10 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

II. ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1. Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (đại lý thuế)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đưa ra khỏi Luật Đầu tư ngành nghề kinh doanh có điều kiện và bãi bỏ 02 điều kiện:

- Là doanh nghiệp đã được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có ít nhất 02 người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp.

Lý do: Dịch vụ đại lý thuế là dịch vụ hành chính hỗ trợ kê khai, nộp thuế cho cá nhân, tổ chức theo đúng quy định của pháp luật thuế, không tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm an ninh, quốc phòng; kinh doanh đại lý thuế không ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; không ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Theo đó, để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, có thể chuyển từ "giấy phép" sang "cơ chế hậu kiểm".

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 102 Luật Quản lý thuế.

- Sửa đổi Phụ lục 4 Luật Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

Phần III
LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Xác nhận thông báo, thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (Mã số TTHC: 1.009800)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Bỏ quy định về thành phần hồ sơ (Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa).

- Bổ sung quy định công ty đại chúng không phải nộp một số tài liệu (Điều lệ công ty, văn bản phê duyệt đề án cổ phần hoá, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp) trong trường hợp tài liệu đó đã được công bố trên Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) hoặc thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty đại chúng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Sửa đổi đơn giản hóa Mẫu số 38, Mẫu số 39 Phụ lục kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi tương ứng với việc sửa đổi quy định tại Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Lý do:

- Cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Để phù hợp với việc bỏ quy định cho phép công ty đại chúng được quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn quy định pháp luật (điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

- Bảo đảm mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ không cần thiết trong thực hiện TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm d khoản 1 Điều 142; bổ sung khoản 2a Điều 142; sửa đổi khoản 1.b, khoản 2.b, khoản 3 Điều 142; Mẫu số 38; sửa Mẫu số 39 của Phụ lục kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Chấp thuận đăng ký niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành nước ngoài (Mã số TTHC: 1.009798)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: UBCKNN đã chấp thuận việc chào bán ra công chúng của các tổ chức này, việc niêm yết, hủy niêm yết thuộc quyền hạn và trách nhiệm của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 124 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Chấp thuận đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài (Mã số TTHC: 1.009799)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Việc niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) nước ngoài sẽ do tổ chức phát hành đăng ký với SGDCK nước ngoài và phải đáp ứng quy định tại nước sở tại, đồng thời việc niêm yết, giao dịch tại SGDCK nước ngoài phải gắn với chào bán chứng khoán ra nước ngoài. Theo đó, tổ chức phát hành (bao gồm: công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là những đối tượng thuộc sự quản lý của UBCKNN) sẽ không phải nộp hồ sơ lên UBCKNN mà chỉ phải nộp một số tài liệu báo cáo UBCKNN trước khi gửi hồ sơ đăng ký niêm yết, giao dịch tại SGDCK nước ngoài.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 127 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009806)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng bỏ các trường thông tin về số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch,… (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai. Bỏ yêu cầu công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn tại Mẫu số 67.

- Cắt giảm các điều kiện "Đối với cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức: Phải có tư cách pháp nhân và đang hoạt động hợp pháp" và có "Báo cáo tài chính năm gần nhất phải được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần" để cắt giảm thành phần hồ sơ trong quá trình thực hiện TTHC.

Lý do:

- Thực hiện việc cắt giảm, đơn giản hóa giấy tờ công dân trong thực hiện TTHC, giảm điều kiện thực hiện nhằm giảm các thành phần hồ sơ không cần thiết trong quá trình thực hiện TTHC, giảm thời gian giải quyết TTHC, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức.

- Điều kiện kinh doanh đã được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động. Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện tăng cường việc giám sát hoạt động của công ty và hậu kiểm.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm a khoản 2, điểm d khoản 5, khoản 6 Điều 74, điểm d khoản 5, khoản 6 Điều 75 Luật Chứng khoán.

- Sửa Điều 6, Mẫu số 64, 66, 67, 68; bỏ khoản 7 Điều 176 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.009807)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 64, 66, 67 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch,… (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai. Bỏ yêu cầu công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn tại Mẫu số 67.

- Bỏ quy định phải có dự thảo Điều lệ không trái với quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

Lý do:

- Đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính trong thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

- Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện tăng cường việc giám sát hoạt động của công ty và hậu kiểm. Đồng thời giảm thành phần hồ sơ giấy tờ không cần thiết trong giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm a, b khoản 2 Điều 76; bỏ điểm d khoản 5 Điều 74, điểm d khoản 5 Điều 75 Luật Chứng khoán.

- Sửa Điều 6, Mẫu số 64, 66, 67 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.009808)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 64, 66, 67 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch… và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai. Bỏ yêu cầu công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn tại Mẫu số 67.

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch của các quỹ đầu tư tại Việt Nam trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đang đầu tư tại Việt Nam.

- Cắt giảm điều kiện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; thời gian hoạt động còn lại (nếu có) tối thiểu là 01 năm.

Lý do:

- Đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính trong triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

- Đơn giản hóa tài liệu tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải cung cấp để chứng minh đang quản lý quỹ đầu tư tại Việt Nam. Đồng thời, cho phép thành lập văn phòng đại diện không gắn với thời hạn hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm b khoản 1 Điều 78 Luật Chứng khoán.

- Sửa Điều 6, điểm d, đ khoản 2 Điều 178, Mẫu số 64, 66, 67 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7. Thủ tục hành chính 7: Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn cấp cho chi nhánh, giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.009820)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa Mẫu số 67, 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch… đối với công dân Việt Nam tại mẫu tờ khai. Bỏ yêu cầu công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn tại Mẫu số 67.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 6, Mẫu số 67, 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

8. Thủ tục hành chính 8: Thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009534)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa Mẫu số 67, 76 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch,… đối với công dân Việt Nam tại mẫu tờ khai. Bỏ yêu cầu công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn tại Mẫu số 67.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 6, Mẫu số 67, 76 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Thủ tục hành chính 9: Thủ tục bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán (Mã số TTHC: 1.010548)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Sửa đổi, đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 66, 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, … đối với công dân Việt Nam tại mẫu tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 6, Mẫu số 66, 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

10. Thủ tục hành chính 10: Thủ tục bổ sung nghiệp vụ chi nhánh trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009529)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Mẫu số 66, 76 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai.

- Cắt giảm điều kiện kinh doanh về việc "Bảo đảm các quy định về an toàn tài chính sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, công ty con, chi phí thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài', "Bảo đảm duy trì vốn chủ sở hữu sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, công ty con, chi phí thành lập văn phòng đại diện tại nước ngoài phải lớn hơn vốn điều lệ tối thiểu theo quy định".

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm b, c khoản 2 Điều 190, sửa Mẫu số 66, 76 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

11. Thủ tục hành chính 11: Thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009530)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Mẫu số 67, 66 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch,… đối với công dân Việt Nam tại mẫu tờ khai. Bỏ yêu cầu công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn tại Mẫu số 67.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm b, c khoản 2 Điều 190 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

- Sửa Điều 6, điểm đ khoản 2 Điều 190, khoản 1 Điều 191, điểm a khoản 1 Điều 192, Mẫu số 67, 66 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

12. Thủ tục hành chính 12: Thành lập chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện tại nước ngoài của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009532)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm điều kiện kinh doanh về việc "Bảo đảm các quy định về an toàn tài chính sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, công ty con, chi phí thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài', "Bảo đảm duy trì vốn chủ sở hữu sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, công ty con, chi phí thành lập văn phòng đại diện tại nước ngoài phải lớn hơn vốn điều lệ tối thiểu theo quy định"; "Không trong tình trạng bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ hoạt động theo quy định pháp luật".

Lý do: Điều kiện kinh doanh đã được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động. Đồng thời nhằm giảm các thành phần hồ sơ không cần thiết trong quá trình thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa khoản 1 Điều 195; Bỏ khoản 3, 4 Điều 195 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

13. Thủ tục hành chính 13: Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009523)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải "Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về ngân hàng, hoạt động kinh doanh có lãi trong năm gần nhất"; "Có địa điểm, trang bị, thiết bị phục vụ hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch chứng khoán".

- Cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ tương ứng với điều kiện được đơn giản hóa cắt giảm là Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm thực hiện hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch chứng khoán tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm b, c khoản 1 Điều 57, điểm c, d khoản 1 Điều 58; Sửa khoản 2 Điều 58 Luật Chứng khoán.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

14. Thủ tục hành chính 14: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009526)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ tương ứng với điều kiện cắt giảm là "Văn bản cam kết về việc đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng trong 12 tháng gần nhất (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)".

- Đơn giản hóa 01 điều kiện thực hiện TTHC theo hướng bỏ "Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đồng thời đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng" và cắt giảm 01 thành phần hồ sơ tương ứng với điều kiện cắt giảm "Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng".

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 151, điểm c khoản 1 Điều 152 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Bỏ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 151, điểm d khoản 1 Điều 152 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

15. Thủ tục hành chính 15: Đăng ký cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009535)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm điều kiện thực hiện TTHC là "Được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty chứng khoán thông qua việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến". Đồng thời, cắt giảm thành

phần hồ sơ tương ứng với điều kiện cắt giảm là Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty chứng khoán thông qua việc cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm b khoản 1 Điều 198, khoản 2 Điều 200, khoản 3 Điều 201; sửa điểm b khoản 1 Điều 199, khoản 1 Điều 201, khoản 2 Điều 203 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

16. Thủ tục hành chính 16: Cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh (Mã số TTHC: 1.009524)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm điều kiện thực hiện TTHC "Có tỷ lệ vốn khả dụng đạt tối thiểu 220% liên tục trong 12 tháng gần nhất; thực hiện trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật" và cắt giảm thành phần hồ sơ tương ứng với điều kiện cắt giảm là Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong 12 tháng gần nhất; quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị rủi ro cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

- Cắt giảm thành phần hồ sơ liên quan đến giấy tờ công dân (thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu) nếu cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC.

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán, chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm c khoản 3 Điều 4; điểm c, d khoản 1, khoản 2 Điều 5; Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

- Bỏ điểm c, đ, h khoản 2 Điều 4, điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

17. Thủ tục hành chính 17: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh (Mã số TTHC: 1.009526)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm điều kiện "Đối với ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định pháp luật về tổ chức tín dụng trong vòng 12 tháng gần nhất trước tháng nộp hồ sơ" và cắt giảm thành phần hồ sơ tương ứng: Tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước; quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị rủi ro cho hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 9, điểm c khoản 1 Điều 10; bỏ điểm g, h khoản 2 Điều 9, điểm c khoản 3 Điều 9, điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

18. Thủ tục hành chính 18: Rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009809)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, giới tính, quốc tịch, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Mẫu số 69 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

19. Thủ tục hành chính 19: Đề nghị chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được sở hữu trên 49% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009801)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 40 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Mẫu số 40 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

20. Thủ tục hành chính 20: Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009819)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 67, 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch… và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai. Bỏ yêu cầu công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn tại Mẫu số 67.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 6; Mẫu số 67, 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

21. Thủ tục hành chính 21: Gia hạn hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.009821)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 64, 66, 67, 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch… và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai. Bỏ yêu cầu công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn tại Mẫu số 67.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 6; Mẫu số 64, 66, 67, 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

22. Thủ tục hành chính 22: Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009818)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, giới tính, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Mẫu số 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

23. Thủ tục hành chính 23: Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.009822)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, giới tính, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Mẫu số 69 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

24. Thủ tục hành chính 24: Đăng ký phát hành, chào bán cổ phần, tăng vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.009823)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 68 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Mẫu số 68 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

25. Thủ tục hành chính 25: Rút nghiệp vụ, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009531)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 76 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Mẫu số 76 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

26. Thủ tục hành chính 26: Chấp thuận tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009537)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 67, 66, 68, 79, 82 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch… và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam) tại mẫu tờ khai. Bỏ yêu cầu công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn tại Mẫu số 67.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 6; Mẫu số 67, 66, 68, 79, 82 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

27. Thủ tục hành chính 27: Cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009543)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đồng thời là hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong đó Phiếu lý lịch tư pháp có thể được nộp sau khi có kết quả dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề.

Lý do: Tạo thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (thống nhất về mặt thành phần hồ sơ nộp khi dự thi và đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 213 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

28. Thủ tục hành chính 28: Thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán (Mã số TTHC: 1.009545)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán là kết quả của quá trình quản lý, giám sát người hành nghề chứng khoán của cơ quan nhà nước thông qua các văn bản hành chính, không cần quy định thành TTHC.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 97 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Sửa đổi Điều 215 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

29. Thủ tục hành chính 29: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng (Mã số TTHC: 1.009546)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 90, 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân, bỏ nội dung chứng thực chữ ký người khai và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam).

- Cắt giảm điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng (tại Mục II Phần III. Lĩnh vực chứng khoán).

Lý do:

- Đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính trong quá trình triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

- Điều kiện kinh doanh đã được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động, đã có quy định công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối, đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối chưa đăng ký.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 219; sửa Mẫu số 90, 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

30. Thủ tục hành chính 30: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên (Mã số TTHC: 1.009548)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung chứng thực chữ ký người khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

31. Thủ tục hành chính 31: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục do thay đổi tên quỹ, công ty quản lý quỹ (Mã số TTHC: 1.009552)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung chứng thực chữ ký người khai.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa Mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

32. Thủ tục hành chính 32: Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở lần đầu ra công chúng (Mã số TTHC: 1.009500)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung chứng thực chữ ký người khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 6; Mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

33. Thủ tục hành chính 33: Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ bất động sản lần đầu ra công chúng (Mã số TTHC: 1.009507)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 91 và 103 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung chứng thực chữ ký người khai, bỏ chỉ tiêu số chứng minh thư nhân dân và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 6; Mẫu số 91, 103 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

34. Thủ tục hành chính 34: Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục lần ra công chúng (Mã số TTHC: 1.009877)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung chứng thực chữ ký người khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 6; Mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

35. Thủ tục hành chính 35: Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng (Mã số TTHC: 1.009512)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung chứng thực chữ ký người khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 6; Mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

36. Thủ tục hành chính 36: Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng (Mã số TTHC: 1.009515)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Cắt giảm điều kiện hoạt động công ty đầu tư chứng khoán (tại Mục II Phần III. Lĩnh vực chứng khoán).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Bãi bỏ điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 259 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

37. Thủ tục hành chính 37: Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ (Mã số TTHC: 1.009517)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung chứng thực chữ ký người khai.

- Cắt giảm điều kiện "Giá chứng khoán góp vốn do ngân hàng lưu ký xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và theo Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ".

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm d khoản 5 Điều 75 Luật Chứng khoán;

- Sửa đổi Điều 6, Mẫu số 9; bỏ điểm c khoản 6 Điều 259 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

38. Thủ tục hành chính 38: Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán do thay đổi tên công ty, người đại diện theo pháp luật, thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, giám sát, thay đổi thời gian hoạt động, thay đổi trụ sở công ty (Mã số TTHC: 1.009519)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ Lý lịch tư pháp khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết TTHC và thông tin về Lý lịch tư pháp được tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung chứng thực chữ ký người khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 6; Mẫu số 91 kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

39. Thủ tục hành chính 39: Giải thể quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục (Mã số TTHC: 1.009498)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: không yêu cầu nộp xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền, tài sản.

Lý do: Việc giảm thành phần hồ sơ này là phù hợp do việc yêu cầu các nhà đầu tư xác nhận đã nhận đủ tiền và tài sản là khó thực hiện trên thực tế, đặc biệt đối với các quỹ đầu tư có số lượng nhà đầu tư lớn nhằm giảm hồ sơ trong quá trình thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 232 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

40. Thủ tục hành chính 40: Hủy tư cách công ty đại chúng (Mã số: 1.009797)

a) Nội dung đơn giản hóa

Xây dựng mẫu văn bản thông báo việc không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa khoản 2 Điều 8 Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05/5/2025 của Bộ Tài chính quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo vốn điều lệ đã góp được kiểm toán.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

II. ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 07 điều kiện:

- Cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Đối với cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức: Phải có tư cách pháp nhân và đang hoạt động hợp pháp.

- Báo cáo tài chính năm gần nhất phải được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Có dự thảo Điều lệ không trái với quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

- Đối với chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và cổ đông, thành viên góp vốn để sở hữu đến 100% của công ty chứng khoán/công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là nhà đầu tư nước ngoài.

- Thời gian hoạt động còn lại (nếu có) tối thiểu là 05 năm.

Đơn giản hóa 02 điều kiện:

- Trường hợp có Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) phụ trách nghiệp vụ thì phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản này và có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách theo hướng bỏ dẫn chiếu đến điểm d khoản 5 Điều 75 Luật Chứng khoán.

- Được cơ quan quản lý, giám sát trong lĩnh vực chứng khoán ở nước nguyên xứ cấp phép hoạt động quản lý quỹ đại chúng và được chấp thuận thành lập chi nhánh tại Việt Nam theo hướng bỏ cụm từ "đại chúng".

Lý do:

- Bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện này do điều kiện kinh doanh này đã được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động. Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện tăng cường việc giám sát hoạt động của công ty và hậu kiểm.

- Việc bãi bỏ các điều kiện kinh doanh nhằm cắt giảm các thành phần hồ sơ giấy tờ không cần thiết trong quá trình thực hiện các TTHC có liên quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 74, điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 75, điểm a, b khoản 2 Điều 76 Luật Chứng khoán;

- Bỏ điểm a khoản 2, điểm d khoản 5, khoản 6 Điều 74, điểm d khoản 5, khoản 6 Điều 75 Luật Chứng khoán.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 03 điều kiện:

- Có tỷ lệ vốn khả dụng đạt tối thiểu 220% liên tục trong 12 tháng gần nhất; thực hiện trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật.

- Đáp ứng yêu cầu về kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro cho hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật về hoạt động của công ty chứng khoán.

- Không đang trong quá trình tổ chức lại, giải thể, phá sản; không đang trong tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Lý do: Việc bãi bỏ các điều kiện kinh doanh nhằm cắt giảm các thành phần hồ sơ giấy tờ không cần thiết trong quá trình thực hiện các TTHC có liên quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm c, đ, h khoản 2 Điều 4 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

- Sửa điểm c khoản 3 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Điều kiện đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ 01 điều kiện: Thời gian hoạt động còn lại (nếu có) tối thiểu là 01 năm.

Lý do: Quy định về thời hạn hoạt động còn lại của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam để bảo đảm về thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện được cấp Giấy chứng nhận thành lập tại Việt Nam. Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo thời hạn thực tế còn lại của tổ chức nước ngoài và tăng cường việc hậu kiểm, giám sát hoạt động của văn phòng đại diện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 78 Luật Chứng khoán.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Điều kiện thành lập, bổ sung nghiệp vụ chi nhánh trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; thành lập phòng giao dịch trong nước của công ty chứng khoán, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; thành lập chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện tại nước ngoài của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 05 điều kiện:

- Bảo đảm các quy định về an toàn tài chính sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, công ty con, chi phí thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài.

- Bảo đảm duy trì vốn chủ sở hữu sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, công ty con, chi phí thành lập văn phòng đại diện tại nước ngoài phải lớn hơn vốn điều lệ tối thiểu theo quy định.

- Đối với giám đốc chi nhánh trong nước của công ty chứng khoán/công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Không trong tình trạng bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ hoạt động theo quy định pháp luật.

- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong 06 tháng tính đến thời điểm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ.

Lý do: Các điều kiện này đã được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động. Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện tăng cường việc giám sát hoạt động của công ty và hậu kiểm.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm b, c khoản 2 Điều 190, khoản 3, 4 Điều 195; sửa điểm đ khoản 2 Điều 190, khoản 1 Điều 191, điểm a khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 195 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

5. Điều kiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán; điều kiện cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán, dịch vụ giao dịch trong ngày; điều kiện được phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán; điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 03 điều kiện:

- Đáp ứng điều kiện về hoạt động: "a. Đối với việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán; cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán, dịch vụ giao dịch trong ngày: Không đang trong tình trạng cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập,

giải thể, phá sản. b. Đối với việc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán: Không đang trong tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản".

- Được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty chứng khoán thông qua việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến.

- Không đang trong tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản.

Lý do:

- Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, việc cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến đã trở nên phổ biến, hầu hết các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới đều thực hiện cung cấp dịch vụ này. Do đó, việc thông qua quyết định cung cấp dịch vụ này chỉ là một quyết định về hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và được cấp có thẩm quyền thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty; không cần thiết phải có quy định tại văn bản chuyên ngành.

- Đây là tình trạng pháp lý đã được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động. Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện tăng cường việc giám sát hoạt động của công ty và hậu kiểm.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa khoản 1 Điều 201, khoản 2 Điều 203 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Bỏ khoản 2 Điều 200 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; bỏ khoản 3 Điều 201 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

6. Điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 02 điều kiện

- Có cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ.

- Là tổ chức có ít nhất 01 địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ. Việc phân phối chứng chỉ quỹ chỉ được thực hiện tại các địa điểm đã đăng ký.

Lý do: Điều kiện kinh doanh đã được đánh giá, điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động. Pháp luật hiện hành đã quy định: công ty quản lý quỹ thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối, đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối chưa đăng ký với UBCKNN. Ngoài ra, khi tổ chức đăng ký đại lý phân phối thì đã có nhu cầu phân phối tại ít nhất 1 địa điểm kinh doanh của công ty, thực tế tối thiểu đều đăng ký phân phối chứng chỉ quỹ tại trụ sở chính. Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện tăng cường việc giám sát hoạt động của công ty và hậu kiểm.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ khoản 1, 3 Điều 219 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

7. Điều kiện hoạt động công ty đầu tư chứng khoán

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 4 điều kiện:

- Toàn bộ tài sản công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải được lưu ký tại ngân hàng giám sát.

- Giá chứng khoán góp vốn do ngân hàng lưu ký xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và theo Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ.

- Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn có Tổng giám đốc (Giám đốc) đáp ứng tiêu chuẩn sau: Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Tối thiểu 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải độc lập với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát.

Lý do: Điều kiện kinh doanh đã được điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động. Pháp luật hiện hành đã quy định tài sản của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải được lưu ký tại 01

ngân hàng giám sát. Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là quỹ đại chúng có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát. Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện tăng cường việc giám sát hoạt động của công ty và hậu kiểm.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm d khoản 5 Điều 75 Luật Chứng khoán.

- Bỏ điểm b khoản 1, khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 259 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

8. Điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 02 điều kiện:

- Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về ngân hàng, hoạt động kinh doanh có lãi trong năm gần nhất.

- Có địa điểm, trang bị, thiết bị phục vụ hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch chứng khoán.

Lý do: Một phần điều kiện này đã được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện tăng cường việc giám sát hoạt động của công ty/ngân hàng và hậu kiểm.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm b, c khoản 1 Điều 57 Luật Chứng khoán.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 02 điều kiện:

- Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng trong 12 tháng gần nhất trước tháng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

- Không đang trong quá trình tổ chức lại, giải thể, phá sản hoặc tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Lý do: Điều kiện này đã được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động. Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện tăng cường việc giám sát hoạt động của công ty và hậu kiểm.

b) Kiến nghị thực thi

- Bỏ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 151; sửa điểm điểm c khoản 1 Điều 153 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

10. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 05 điều kiện:

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính năm gần nhất không quá 05 lần.

- Thực hiện trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật.

- Đối với ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định pháp luật về tổ chức tín dụng trong vòng 12 tháng gần nhất trước tháng nộp hồ sơ.

- Đáp ứng yêu cầu về kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật về hoạt động của công ty chứng khoán.

- Không đang trong quá trình tổ chức lại, giải thể, phá sản; không đang trong tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Lý do: Các điều kiện này đã được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật hiện hành trong quá trình giám sát hoạt động. Để bảo đảm chất lượng quản lý khi cắt giảm điều kiện kinh doanh, thay vì việc tiền kiểm, cơ quan quản lý thực hiện tăng cường việc giám sát hoạt động của công ty và hậu kiểm.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm d khoản 2 Điều 9, điểm d khoản 3 Điều 9, điểm a khoản 1 Điều 11; bỏ điểm g, h khoản 2 Điều 9, điểm c khoản 3 Điều 9 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

11. Điều kiện Đăng ký làm ngân hàng thanh toán đối với Ngân hàng thương mại

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện: Có Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Lý do: Nội dung đã được kiểm soát theo Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Đầu tư, việc bãi bỏ các điều kiện kinh doanh nhằm cắt giảm các thành phần hồ sơ giấy tờ không cần thiết trong quá trình thực hiện các TTHC có liên quan, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1, bỏ điểm a khoản 2 Điều 69 Luật Chứng khoán;

- Bỏ khoản 3 Điều 167, sửa đổi Mẫu số 51 Phụ lục Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

Phần IV
LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.012344)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ quy định về việc yêu cầu chủ đầu tư cung cấp giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận doanh nghiệp không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

- Bỏ quy định nội dung của Lý lịch tư pháp hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài phải có đầy đủ thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Nhiều quốc gia không có quy định cơ quan quản lý phải xác nhận thông tin về việc cá nhân dự kiến là chủ tịch, tổng giám đốc của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã. Bên cạnh đó, việc xác nhận không vi phạm nghiêm trọng mang tính định tính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 9 Điều 12, điểm đ khoản 9 Điều 15 Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Đăng ký nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm (Mã số TTHC: 1.012363)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bỏ quy định về thủ tục hồ sơ đăng ký nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm đối với lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ (giữ thủ tục, hồ sơ quy định đối với lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ).

Lý do: Lĩnh vực nhân thọ kinh doanh dài hạn, có nhiều sản phẩm bảo hiểm khác nhau, trong đó có sản phẩm chia lãi, sản phẩm có yếu tố đầu tư... Do đó, cần thiết thực hiện các yêu cầu, thủ tục về nguyên tắc tách nguồn vốn và nguồn phí bảo hiểm để bảo đảm quyền lợi của khách hàng theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm. Còn lĩnh vực phi nhân thọ chủ yếu là sản phẩm ngắn hạn, không có giá trị hoàn lại, 60 - 70% phí bảo hiểm được tái bảo hiểm, việc tách nguồn vốn và nguồn phí chủ yếu chỉ phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp. Do đó, có thể lược bỏ quy định để doanh nghiệp chủ động thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm; sửa đổi, bổ sung Điều 51 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch, Tổng giám đốc, chuyên gia tính toán của doanh nghiệp (Mã số TTHC: 1.012345)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bỏ quy định nội dung của Lý lịch tư pháp hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài phải có đầy đủ thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Lý do: Hiện nay, nhiều quốc gia không có quy định cơ quan quản lý phải xác nhận thông tin về việc cá nhân dự kiến là chủ tịch, tổng giám đốc của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã. Bên cạnh đó, việc xác nhận không vi phạm nghiêm trọng mang tính định tính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

II. ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1. Điều kiện chung

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 03 điều kiện:

- Điều kiện chung đối với tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn doanh nghiệp: Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Điều kiện chung đối với doanh nghiệp dự kiến thành lập: Có hình thức tổ chức hoạt động theo quy định của Luật này và có dự thảo điều lệ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Điều kiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới: Tối thiểu tương đương 100 triệu đô la Mỹ đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Lý do:

- Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Đối với các quy định chung đã có tại Luật Doanh nghiệp thì không nhất thiết lặp lại ở các điều khoản riêng.

- Rủi ro bảo hiểm chính vẫn thuộc về doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm về cơ bản có trách nhiệm cung cấp dịch vụ môi giới, không cần quy định cứng về năng lực tài chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 64 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

- Bãi bỏ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 86 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Điều kiện kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 24 điều kiện:

- Điều kiện chung đối với tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài góp vốn vào doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm: Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

- Điều kiện trước khi chính thức hoạt động:

+ Chuyển số vốn gửi tại tài khoản phong tỏa thành vốn điều lệ hoặc vốn được cấp.

+ Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với hình thức hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan được quy định tại khoản 2 Điều 70 của Luật này.

+ Ban hành các quy chế quản lý nội bộ về tổ chức hoạt động, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro và các quy trình nghiệp vụ cơ bản theo quy định pháp luật.

+ Ký quỹ đầy đủ theo quy định của Luật này tại ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam.

+ Có trụ sở, cơ sở vật chất, kỹ thuật, hệ thống công nghệ phù hợp với quy trình nghiệp vụ về kinh doanh bảo hiểm.

+ Thực hiện công bố nội dung giấy phép thành lập và hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật này.

+ Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo cho Bộ Tài chính về việc đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày chính thức hoạt động. Bộ Tài chính có quyền đình chỉ việc chính thức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam khi chưa đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này.

+ Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được tiến hành hoạt động kinh doanh bảo hiểm trước ngày chính thức hoạt động.

- Điều kiện trong quá trình hoạt động:

+ Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

+ Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ phải đăng ký và thực hiện theo phương pháp đã được Bộ Tài chính chấp thuận đối với nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm.

- Điều kiện đầu tư ra nước ngoài:

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

+ Được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện đầu tư ra nước ngoài.

+ Thuộc đối tượng được phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại pháp luật đầu tư và pháp luật về quản lý ngoại hối.

- Điều kiện, tiêu chuẩn chung về nhân sự: Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

- Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên: Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật: Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên: Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Bộ phận kiểm toán nội bộ: Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Bộ phận quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ: Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Điều kiện, tiêu chuẩn đối với chuyên gia tính toán: Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Điều kiện mở rộng nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động: Đáp ứng các quy định về khả năng thanh toán.

- Điều kiện chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ: Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

- Điều kiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp: Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Lý do:

- Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Trong thực tế, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không xác nhận doanh nghiệp không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Bên cạnh đó, việc xác nhận không vi phạm nghiêm trọng mang tính định tính.

- Lĩnh vực phi nhân thọ chủ yếu là sản phẩm ngắn hạn, không có giá trị hoàn lại, 60 - 70% phí bảo hiểm được tái bảo hiểm, việc tách nguồn vốn và nguồn phí chủ yếu chỉ phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp. Do đó, có thể lược bỏ điều kiện này để doanh nghiệp chủ động thực hiện và Bộ Tài chính sẽ thực hiện hậu kiểm.

- Các quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, đã được quy định tại Mục 3 Chương III của Luật Kinh doanh bảo hiểm, ký quỹ được quy định tại Điều 96 của Luật Kinh doanh bảo hiểm, việc thu hồi Giấy phép khi quá thời hạn được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Đối với các hành vi vi phạm, doanh nghiệp đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời, đối với các quy định chung đã có tại Luật Đầu tư thì không nhất thiết lặp lại ở các điều khoản riêng.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định tại: Điểm b khoản 1 Điều 65; điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 73; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 81; điểm e khoản 3 Điều 100 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

- Sửa đổi các quy định tại: Khoản 3 Điều 87; khoản 2 Điều 101 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

- Bãi bỏ các quy định tại: Điểm a khoản 1 Điều 21; điểm b khoản 1 Điều 22; điểm b khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 27; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 29; khoản 1 Điều 30; khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 47 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Điều kiện kinh doanh môi giới bảo hiểm.

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 08 điều kiện:

- Điều kiện về cấp phép:

+ Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp

+ Có hình thức tổ chức hoạt động theo quy định của Luật này và có dự thảo điều lệ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

+ Được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về môi giới bảo hiểm của nước nơi tổ chức đạt trụ sở chính trong 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động.

- Điều kiện chung đối với người quản lý của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Điều kiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: Các tiêu chuẩn chung theo quy định tại Điều 76 Nghị định này.

- Điều kiện Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: Các tiêu chuẩn chung theo quy định tại Điều 76 Nghị định này.

- Điều kiện Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: Các tiêu chuẩn chung theo quy định tại Điều 76 Nghị định này.

- Điều kiện trưởng bộ phận nghiệp vụ doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: Các tiêu chuẩn chung theo quy định tại Điều 76 Nghị định này.

- Điều kiện chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ công ty môi giới bảo hiểm: Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

- Điều kiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Lý do:

- Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Trong thực tế, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không xác nhận doanh nghiệp không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Bên cạnh đó, việc xác nhận không vi phạm nghiêm trọng mang tính định tính.

- Các quy định chung đã có thì không nhất thiết lặp lại tại quy định chi tiết.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 133; sửa điểm b khoản 5 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

- Bãi bỏ các quy định tại: điểm b khoản 1 Điều 71; khoản 1 Điều 76; khoản 1 Điều 77; khoản 1 Điều 78; khoản 1 Điều 79; khoản 1 Điều 80 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Điều kiện với hoạt động đại lý và phụ trợ bảo hiểm

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 04 điều kiện:

- Điều kiện đối với phụ trợ bảo hiểm:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

+ Được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

- Điều kiện với Đại lý bảo hiểm:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

+ Được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Lý do:

- Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Các quy định chung đã có thì không nhất thiết lặp lại tại quy định chi tiết.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định tại: điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 125; điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

- Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 143 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

Phần V
LĨNH VỰC KHO BẠC

1. Thủ tục hành chính 1: Kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua KBNN (Mã số TTHC: 3.000117)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do:

- Sau khi Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2015, 2019, 2024 ra đời đã thực hiện giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, bảo đảm dự án đầu tư phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Theo đó, trong quá trình triển khai, các Bộ chủ quản, địa phương và chủ đầu tư đã tuân thủ chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, bảo đảm cân đối nguồn vốn trước khi triển khai thực hiện để dự án đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả. Đối với chi thường xuyên, đã bảo đảm tuân thủ các quy định về dự toán NSNN hàng năm, các điều kiện chi và không vi phạm các hành vi bị cấm trong lĩnh vực NSNN. Như vậy, TTHC về kiểm soát cam kết chi NSNN qua Kho bạc nhà nước (KBNN) không còn nhiều ý nghĩa trong thực tiễn; đồng thời, bộc lộ một số hạn chế (như: việc quản lý cam kết chi NSNN sau khi hợp đồng được ký kết chưa có ý nghĩa trong việc hạn chế phát sinh nợ của NSNN; khi điều chỉnh dự toán hoặc hợp đồng thì đơn vị sử dụng ngân sách (ĐVSDNS) phải điều chỉnh cam kết chi dẫn đến phát sinh TTHC; việc theo dõi và kiểm soát cam kết chi NSNN chỉ được thực hiện tại KBNN để phục vụ quá trình quản lý NSNN, làm tăng khối lượng công việc và làm chậm quá trình thanh toán khoản chi NSNN; việc thực hiện cam kết chi NSNN mới chỉ đáp ứng nhu cầu chi theo

năm ngân sách, chưa thực hiện dự báo nhu cầu chi tiêu đến thời điểm cụ thể nên chưa phục vụ hữu ích cho công tác dự báo luồng tiền và điều hành ngân quỹ nhà nước...). Do đó, đề xuất bãi bỏ TTHC kiểm soát cam kết chi NSNN qua KBNN.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 6 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về TTHC thuộc lĩnh vực KBNN.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Kiểm soát thanh toán các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp (Mã số TTHC: 3.000118)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Cắt giảm các thành phần hồ sơ (chỉ còn dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi; Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng).

- Giảm thời gian thanh toán từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc.

Lý do:

- Bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 58 dự thảo Luật NSNN (sửa đổi): "Căn cứ đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách, KBNN thực hiện chi ngân sách khi các khoản chi có trong dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao"

- KBNN chỉ kiểm soát chi theo dự toán và đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách; không kiểm soát chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Nhóm thủ tục hành chính 3, 4: Thủ tục kiểm soát thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công qua KBNN (Mã số TTHC: 3.000261) và Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước (Mã số TTHC: 3.000263)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ của TTHC:

+ Đối với hợp đồng: sửa theo hướng chỉ gửi văn bản ký số về một số thông tin trong hợp đồng.

+ Đối với Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành: Sửa theo hướng ký số và gửi Bảng tổng hợp giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán, không gửi các thành phần chi tiết kèm theo.

+ Đối với Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Sửa theo hướng ký số và gửi Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (KBNN không kiểm soát chi tiết đối tượng thụ hưởng và mức tiền chi trả cho từng đối tượng; Chủ đầu tư và Tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư chịu trách nhiệm về nội dung này).

+ Cắt giảm thành phần hồ sơ: Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư hoặc dự toán từng hạng mục công việc thuộc công tác chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền và các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng, một số thành phần hồ sơ khác tùy từng trường hợp cụ thể.

Lý do:

- Cải cách TTHC, giảm thành phần hồ sơ, tạo thuận lợi trong quá trình hoàn thiện hồ sơ cho đối tượng thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi

- Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 5: Kiểm soát chi vốn nước ngoài qua KBNN (Mã số TTHC: 3.000123)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản thủ tục kiểm soát chi vốn nước ngoài đối với dự án hoặc dự án thành phần được bố trí từ nguồn chi thường xuyên.

Lý do:

- Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 quy định: "Vốn vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên." Theo đó, hiện nay vốn nước ngoài được bố trí từ nguồn chi thường xuyên chỉ có nguồn vốn viện trợ không hoàn lại.

- Tại dự thảo Luật NSNN (sửa đổi) quy định:

+ Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp quy định tại Điều 50 của Luật này, các khoản đóng góp tự nguyện, các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại phát sinh trong năm và đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi ... (khoản 2 Điều 12).

+ Căn cứ đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách, Kho bạc Nhà nước thực hiện chi ngân sách khi các khoản chi có trong dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao (khoản 4 Điều 58).

+ Các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam, các khoản đóng góp tự nguyện đã được xác định nhiệm vụ chi cụ thể được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau (điểm k khoản 3 Điều 66).

+ Chi từ các khoản viện trợ không hoàn lại được quyết toán theo thực tế giải ngân (khoản 4 Điều 66).

Trường hợp chủ dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ không hoàn lại tại ngân hàng thương mại thì chủ dự án chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ khi rút tiền tại ngân hàng thương mại. Khi có dự toán được cấp có thẩm quyền bố trí, KBNN thực hiện ghi thu ghi chi.

Trường hợp chủ dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ không hoàn lại tại KBNN thì chủ dự án chỉ gửi Ủy nhiệm chi tới KBNN để rút tiền và gửi Giấy đề nghị ghi thu ghi chi tới KBNN khi có dự toán được giao.

Theo các quy định trên, KBNN sẽ không kiểm soát đối với vốn viện trợ không hoàn lại bố trí từ dự toán chi thường xuyên. Việc thực hiện quy trình trên sẽ góp phần đơn giản hóa TTHC cho chủ dự án, giúp chủ dự án rút ngắn chu trình thực hiện trong việc chi tiêu vốn viện trợ không hoàn lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP thủ tục kiểm soát chi vốn nước ngoài đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc kế hoạch vốn đầu tư phát triển.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 6: Đăng ký sử dụng tài khoản, bổ sung tài khoản và thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký của đơn vị giao dịch tại KBNN (Mã số TTHC: 3.000121)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thành phần hồ sơ là "Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị quan hệ ngân sách đối với đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, doanh nghiệp nhà nước" (trường hợp đề nghị đăng ký sử dụng tài khoản).

Lý do:

- Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị quan hệ ngân sách KBNN sử dụng để đối chiếu với các thông tin tại mẫu số 01/MTK - Giấy đăng ký sử dụng tài khoản và mẫu dấu, mẫu chữ ký và mẫu số 02/MTK - Giấy đề nghị thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký.

- Giảm thành phần hồ sơ không cần thiết khi thực hiệnthủ tục đăng ký sử dụng tài khoản, bổ sung tài khoản và thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký của đơn vị giao dịch tại KBNN và tăng tính tự chịu trách nhiệm của đơn vị giao dịch về thông tin trên tờ khai.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ tiết e khoản 4 Điều 12 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về TTHC thuộc lĩnh vực KBNN.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

Phần VI
LĨNH VỰC KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Chi nhánh doanh nghiệp kế toán nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.007459)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa theo hướng không yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài phải có văn bản gửi Bộ Tài chính bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.

Lý do: Cải cách TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân phát triển theo yêu cầu Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 7 Điều 61 Luật Kế toán 2015.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

2. Thủ tục hành chính 2: Đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng (Mã TTHC: 1.007638)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa theo hướng tổ chức thực hiện kiểm toán từ lần 02 trở đi không yêu cầu nộp đầy đủ hồ sơ như lần đầu mà chỉ yêu cầu nộp đơn đăng ký và danh sách kiểm toán viên.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

II. ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1. Điều kiện về tỷ lệ vốn góp của thành viên là tổ chức

a) Nội dung đơn giản hoá

- Bãi bỏ 01 điều kiện: Tỷ lệ vốn góp của thành viên là tổ chức của công ty TNHH hai thành viên trở lên: Thành viên là tổ chức được góp tối đa 35% vốn điều lệ của công ty TNHH dịch vụ kế toán hai thành viên trở lên. Trường hợp có nhiều tổ chức góp vốn thì tổng tỷ lệ vốn góp của các tổ chức tối đa bằng 35% vốn điều lệ của công ty TNHH dịch vụ kế toán hai thành viên trở lên.

Lý do: Điều kiện giới hạn này can thiệp vào quyền tự do góp vốn, không phù hợp Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư, nếu tổ chức có chuyên môn, việc khống chế vốn là không cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 26 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

2. Điều kiện về vốn góp của kế toán viên hành nghề

a) Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ 01 điều kiện: Vốn góp của các kế toán viên hành nghề phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của công ty.

Lý do: Điều kiện giới hạn này can thiệp vào quyền tự do góp vốn của thành viên của doanh nghiệp. Vì vậy, có thể chuyển đổi theo hướng không quy định tỷ lệ cứng, mà chỉ quy định phải có tối thiểu 02 kế toán viên hành nghề góp vốn.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 cuả Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Điều kiện với Giám đốc hoặc tổng giám đốc chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán

a) Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ 01 điều kiện: Giám đốc hoặc tổng giám đốc chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài không được đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp khác tại Việt Nam.

Lý do: Các loại hình doanh nghiệp khác không có quy định này, vì vậy đề xuất bãi bỏ để bảo đảm thống nhất giữa các loại hình doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm c khoản 4 Điều 60 Luật Kế toán 2015.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

4. Điều kiện đối với Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài

a) Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ 01 điều kiện: Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài phải có văn bản gửi Bộ Tài chính bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam".

Lý do: Để quản lý việc doanh nghiệp có thực hiện chịu trách nhiệm về nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam hay không thì cần thiết phải có sự kiểm tra thực tế. Vì vậy, nội dung này chuyển sang hậu kiểm theo kế hoạch kiểm tra hàng năm, thay vì yêu cầu trước khi cấp phép.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm d, khoản 4 Điều 60 Luật Kế toán.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

5. Điều kiện về năng lực tài chính của doanh dịch vụ kế toán

a) Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ 01 điều kiện: Có vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán tương đương 500.000 (năm trăm nghìn) đô la Mỹ vào cuối năm tài chính trước năm cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

Lý do: Điều kiện này được đặt ra để bảo đảm năng lực tài chính và khả năng chịu trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài. Tuy nhiên, các doanh nghiệp này đã chịu sự giám sát và quy định vốn tối thiểu tại quốc gia sở tại theo chuẩn mực quốc tế. Việc bãi bỏ quy định vừa tránh tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các quốc gia, vừa phù hợp thông lệ hội nhập và mở cửa thị trường dịch vụ kiểm toán.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

6. Điều kiện với cơ chế bảo lãnh thanh toán

a) Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ 01 điều kiện: Ký quỹ bắt buộc số tiền tương đương vốn pháp định là 5 (năm) tỷ đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có thư bảo lãnh thanh toán của ngân hàng này cam kết thanh toán trong trường hợp trách nhiệm của các hợp đồng kiểm toán cung cấp dịch vụ qua biên giới tại Việt Nam vượt quá mức ký quỹ bắt buộc.

Lý do: Quy định ký quỹ nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng và phòng ngừa rủi ro hợp đồng. Tuy nhiên cơ chế bảo lãnh có thể thay thế bằng yêu cầu bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp để phù hợp với thông lệ quốc tế.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

7. Điều kiện về cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

a) Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ 01 điều kiện: Quy định "Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải có đủ các điều kiện sau đây: Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật".

Lý do: Doanh nghiệp đã thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh. Đồng thời, cơ quan quản lý có thể khai thác giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã được kết nối, chia sẻ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Luật Kế toán và Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

8. Điều kiện với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới sang Việt Nam

a) Nội dung đơn giản hoá

Bãi bỏ 01 điều kiện: Đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới cho doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam là doanh nghiệp kiểm toán có quốc tịch tại quốc gia thành viên của Tổ chức thương mại thế giới hoặc quốc gia có hiệp định với Việt Nam về việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

Lý do: Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác với hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ. Việc duy trì điều kiện này không còn phù hợp, đồng thời có thể hạn chế thu hút các tổ chức kiểm toán uy tín, chất lượng cao từ những quốc gia chưa là thành viên WTO hoặc quốc gia có hiệp định với Việt Nam. Để mở rộng thị trường nhưng vẫn bảo đảm lợi ích công chúng, cơ quan quản lý sẽ tập trung nâng cao tiêu chuẩn năng lực và tăng cường biện pháp giám sát chất lượng dịch vụ kiểm toán, qua đó bảo vệ quyền lợi của đơn vị được kiểm toán và nhà đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 10 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

9. Điều kiện với kiểm toán viên hành nghề

a) Nội dung đơn giản hoá:

Bãi bỏ 01 điều kiện: Có tên trong danh sách kiểm toán viên đủ điều kiện hành nghề kiểm toán trong kỳ chấp thuận được Bộ Tài chính công khai tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện kiểm toán.

Lý do: Theo quy định hiện hành, kiểm toán viên hành nghề tại doanh nghiệp kiểm toán, sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, sẽ được Bộ Tài chính công khai trong danh sách kiểm toán viên đủ điều kiện hành nghề, vì vậy, không cần quy định các kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng phải có tên trong danh sách đủ điều kiện hành nghề nữa.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

Phần VII
LĨNH VỰC PHÍ, LỆ PHÍ

1. Thủ tục hành chính 1: Đề nghị cấp/cấp lại tem kiểm định và tem nộp phí sử dụng đường bộ (Mã số TTHC: 3.000253)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Nhằm tiết kiệm chi phí hành chính và phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong công tác quản lý phương tiện, thu phí.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu (Mã số TTHC: 3.000254)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Dự kiến sửa đổi quy định theo hướng tất cả các xe tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên đều không thu phí, nên Sở Xây dựng không cần xác nhận và thu biển hiệu. Theo đó, khi lưu hành trở lại không cần thực hiện thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (Mã số TTHC: 1.008603)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP đã có quy định cụ thể về đối tượng chịu phí, mức phí, công thức tính và các xác định số phí phải nộp, người nộp phí có thể tự thực hiện kê khai, nộp phí; cơ quan thu vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý thu mà không cần thiết phải dựa vào biểu mẫu chi tiết. Theo đó, cần thiết bãi bỏ TTHC này để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và tổ chức thu phí.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên (Mã số TTHC: 3.000252)

a) Nội dung đơn giản hóa

Đơn giản hóa quy trình thực hiện TTHC, cắt giảm bước nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng.

Lý do: Việc nộp hồ sơ thực hiện TTHC có thể thực hiện đồng thời với bước nộp hồ sơ tại đơn vị đăng kiểm, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

Phần VIII
LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

1. Thủ tục hành chính 1, 2, 3, 4, 5: Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.009627); Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.009628); Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.009629); Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.009630); Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.009636).

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ là báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Tiếp tục phân cấp, phân quyền cho địa phương, giảm số lượng dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, từ đó giảm số lượng đối tượng phải tuân thủ mỗi năm.

- "Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC".

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo yêu cầu Nghị quyết số 68/NQ-TW.

- Luật Đầu tư năm 2020 được sửa đổi tại các Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15 đã phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với hơn 80% nhóm dự án đầu tư (khoảng 10 loại dự án đầu tư). Hiện nay, trong quá trình tổng kết thi hành Luật Đầu tư để rà soát, sửa tổng thể, dự kiến nghiên cứu để tiếp tục phân cấp thẩm quyền này đối với

một số nhóm dự án còn lại (như dự án kinh doanh đặt cược, casino; trồng rừng; điện gió ngoài khơi...) nhằm thu hẹp diện dự án và số lượng dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, từ đó đẩy nhanh tiến độ và đơn giản hoá trình tự, thủ tục thực hiện các thủ tục đầu tư.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 31, 32, 35 Luật Đầu tư; sửa Điều 32, 48, 49, 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 6, 7, 8, 9: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.009631); Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.009632); Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.009633); Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.009634).

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Tiếp tục phân cấp, phân quyền cho địa phương, giảm số lượng dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, từ đó giảm số lượng đối tượng phải tuân thủ mỗi năm.

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Luật Đầu tư năm 2020 được sửa đổi tại các Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15 đã phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với hơn 80% nhóm dự án đầu tư (khoảng 10 loại dự án đầu tư). Hiện nay, trong quá trình tổng kết thi hành Luật Đầu tư để rà soát, sửa tổng thể, dự kiến nghiên cứu để tiếp tục phân cấp thẩm quyền này đối với một số nhóm dự án còn lại (như dự án kinh doanh đặt cược, casino; trồng rừng; điện gió ngoài khơi...) nhằm thu hẹp diện dự án và số lượng dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, từ đó đẩy nhanh tiến độ và đơn giản hoá trình tự, thủ tục thực hiện các thủ tục đầu tư.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 31, 32 Luật Đầu tư;

- Sửa Điều 50, 51, 52, 53 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 10: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.009635)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Tiếp tục phân cấp, phân quyền cho địa phương, giảm số lượng dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, từ đó giảm số lượng đối tượng phải tuân thủ mỗi năm.

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Luật Đầu tư năm 2020 được sửa đổi tại các Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15 đã phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với hơn 80% nhóm dự án đầu tư (khoảng 10 loại dự án đầu tư). Hiện nay, trong quá trình tổng kết thi hành Luật Đầu tư để rà soát, sửa tổng thể, dự kiến nghiên cứu để tiếp tục phân cấp thẩm quyền này đối với một số nhóm dự án còn lại (như dự án kinh doanh đặt cược, casino; trồng rừng; điện gió ngoài khơi...) nhằm thu hẹp diện dự án và số lượng dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, từ đó đẩy nhanh tiến độ và đơn giản hoá trình tự, thủ tục thực hiện các thủ tục đầu tư.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 31 và 32 Luật Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 11, 12: Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.009642); Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.009644)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư và Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 13: Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.009645)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư và Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6. Thủ tục hành chính 14: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.009646)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư và Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

7. Thủ tục hành chính 15: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.009649)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8. Thủ tục hành chính 16: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.009650)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 49 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

9. Thủ tục hành chính 17: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.009652)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định tại Điều 50 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

10. Thủ tục hành chính 18: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.009653)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định thống nhất thống nhất sử dụng "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong quy định thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 51 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

11. Thủ tục hành chính 19: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.009654)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định thống nhất thống nhất sử dụng "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong quy định thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 52 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

12. Thủ tục hành chính 20: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 1.009655)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 53 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

13. Thủ tục hành chính 21: Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số: 1.009659)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

14. Thủ tục hành chính 22: Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mã số: 1.009661)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết của cơ quan đăng ký đầu tư.

- Bổ sung quy định cụ thể số bộ hồ sơ.

- Quy định cụ thể kết quả thực hiện TTHC.

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Điều 56 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP chưa quy định cụ thể thời gian giải quyết của cơ quan đăng ký đầu tư, số lượng hồ sơ phải nộp và kết quả giải quyết TTHC. Do đó, cần thiết bổ sung quy định nhằm bảo đảm tính minh bạch, công khai của TTHC, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư khi thực hiện thủ tục.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 56 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

15. Thủ tục hành chính 23: Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mã số TTHC: 1.009662)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết của cơ quan đăng ký đầu tư.

- Bổ sung quy định cụ thể số bộ hồ sơ.

- Quy định cụ thể kết quả thực hiện TTHC.

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP chưa quy định cụ thể thời gian giải quyết của cơ quan đăng ký đầu tư, số lượng bộ hồ sơ TTHC và kết quả giải quyết TTHC. Do đó, cần thiết bổ sung quy định nhằm bảo đảm tính minh bạch, công khai của TTHC, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư khi thực hiện thủ tục.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

16. Thủ tục hành chính 24: Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (Mã số TTHC: 1.009748)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

17. Thủ tục hành chính 25: Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (Mã số TTHC: 1.009755)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

18. Thủ tục hành chính 26: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý (Mã số TTHC: 1.009759)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

19. Thủ tục hành chính 27: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (Mã số TTHC: 1.009762)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định tại Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

20. Thủ tục hành chính 28: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (Mã số TTHC: 1.009763)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 49 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

21. Thủ tục hành chính 29: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (Mã số TTHC: 1.009764)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 50 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

22. Thủ tục hành chính 30: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (Mã số TTHC: 1.009765)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 51 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

23. Thủ tục hành chính 31: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (Mã số TTHC: 1.009766)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 52 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

24. Thủ tục hành chính 32: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (Mã số TTHC: 1.009767)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 53 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

25. Thủ tục hành chính 33: Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (Mã số TTHC: 1.009770)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp theo quy định hiện hành.

- Quy định rõ báo cáo tài chính (nếu có) không cần kiểm toán; không yêu cầu thời hạn của cam kết hỗ trợ tài chính, bão lãnh năng lực tài chính (nếu có).

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm gia tăng cơ hội tham gia thị trường, giảm chi phí phải tuân thủ và góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Nhằm đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu; đồng thời bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh tùy nghi thực hiện và yêu cầu của cơ quan nhà nước.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

26. Thủ tục hành chính 34: Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (Mã số TTHC: 1.009771)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết của cơ quan đăng ký đầu tư.

- Bổ sung quy định cụ thể số bộ hồ sơ.

- Quy định cụ thể kết quả thực hiện TTHC.

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Điều 56 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP chưa quy định cụ thể thời gian giải quyết của cơ quan đăng ký đầu tư, số bộ hồ sơ, kết quả giải quyết. Do đó, cần thiết bổ sung quy định nhằm bảo đảm tính minh bạch, công khai của TTHC, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư khi thực hiện thủ tục.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 56 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

27. Thủ tục hành chính 35: Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư (Mã số TTHC: 1.009772)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết của cơ quan đăng ký đầu tư.

- Bổ sung quy định cụ thể số bộ hồ sơ.

- Quy định cụ thể kết quả thực hiện TTHC.

- Quy định thống nhất "ngày" hoặc "ngày làm việc" trong thời hạn giải quyết của cùng một TTHC.

Lý do:

- Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP chưa quy định cụ thể thời gian giải quyết của cơ quan đăng ký đầu tư, số bộ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Do đó, cần thiết bổ sung quy định nhằm bảo đảm tính minh bạch, công khai của TTHC, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư khi thực hiện thủ tục.

- Hiện tại Luật Đầu tư và Nghị định 31/2021/NĐ-CP đang quy định thời hạn giải quyết là ngày và ngày làm việc cho mỗi bước khác nhau trong quy trình giải quyết của cùng một TTHC lĩnh, do đó, cần quy định thống nhất lại.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

Phần IX
LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

1. Thủ tục hành chính 1, 2, 3: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 2.002046); Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm

quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ (Mã số TTHC: 1.000701); cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội (Mã số TTHC: 2.000301).

a) Nội dung đơn giản hóa

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lý do: Nhằm đơn giản hóa quy trình, thời gian giải quyết TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC. Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 56, 57, 58 Luật Đầu tư năm 2020.

- Sửa đổi quy định tại Điều 75, 76, 77 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

Phần X
LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (Mã số TTHC: 3.000258)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là "Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, trong đó có đăng ký kinh doanh ngành, nghề trò chơi điện tử có thưởng" theo hướng: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp.

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là "Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở lưu trú du lịch do cơ quan công an có thẩm quyền cấp".

Lý do:

- Pháp luật về an ninh, trật tự đã có quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện phải bảo đảm an ninh, trật tự, trong đó có ngành, nghề kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài nên không cần thiết phải quy định tại Nghị định này và chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ giải quyết TTHC, tạo thuận lợi trong quá trình hoàn thiện hồ sơ TTHC của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2, 7 Điều 21, điểm b khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 42 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/02/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino (Mã số TTHC: 3.000037)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là "Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino của doanh nghiệp".

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là "Dự thảo Quy chế quản lý nội bộ, tổ chức Bộ phận kiểm soát nội bộ, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, Quy chế giải quyết tranh chấp và Thể lệ trò chơi" khi doanh nghiệp đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

- Đơn giản hóa 02 thành phần hồ sơ là "Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, trong đó có hoạt động kinh doanh casino và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh (nếu có) được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu" và "Bản sao có chứng thực biên bản kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với đợt kiểm tra định kỳ gần nhất trước thời điểm xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh".

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là "Phiếu lý lịch tư pháp".

Lý do:

- Thông tin cá nhân được khai thác cơ sở dữ liệu sẵn có trong hệ thống dữ liệu của Bộ Tài chính nhằm giảm thiểu chi phí thực hiện TTHC cho doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp đã cung cấp dự thảo các Quy chế và Thể lệ trò chơi khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận điều kiện kinh doanh và đã ban hành các Quy chế và Thể lệ trò chơi sau khi có ý kiến tham gia của các bộ, ngành liên quan về dự thảo. Do đó, doanh nghiệp không cần cung cấp lại khi đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

- Doanh nghiệp không bắt buộc cung cấp bản sao có chứng thực nhằm đơn giản hóa hồ sơ TTHC.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2, 6, 7 Điều 25, điểm b, c khoản 2 Điều 28, điểm c khoản 2 Điều 29, điểm b, c, d khoản 4 Điều 30 Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chức nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó (Mã số TTHC: 3.000032)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là "Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư trường đua ngựa, đua chó, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu" theo hướng: Doanh nghiệp cung cấp bản sao, không bắt buộc là bản sao có chứng thực.

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là "Phiếu lý lịch tư pháp đối với người quản lý, điều hành doanh nghiệp".

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là "Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng đối với công trình xây dựng trường đua ngựa, đua chó do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp".

Lý do:

- Chuyển từ tiền kiểm sang chế độ hậu kiểm để cắt giảm TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính trong quá trình triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Cơ quan quản lý có thể khai thác "Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư" trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b, c khoản 2 Điều 31, điểm e, đ khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 36 Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24/01/2017 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế (Mã số TTHC: 3.000040)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thành phần hồ sơ là "Phiếu lý lịch tư pháp đối với người quản lý, điều hành doanh nghiệp".

Lý do: Đơn giản hóa giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính trong quá trình triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24/01/2017 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện (Mã số TTHC: 3.000038)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm tại thành phần hồ sơ là "Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp" khi nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận.

- Đơn giản hóa TTHC gắn với việc cắt giảm điều kiện kinh doanh về yêu cầu năng lực theo hướng: Chấp thuận chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA) hoặc các chứng chỉ chuyên môn tương đương khác ở nước ngoài.

Lý do: Cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác thông tin về giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành của doanh nghiệp tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 35 Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm (Mã số TTHC: 3.000029)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm tại thành phần hồ sơ là "Bản sao phiếu lý lịch tư pháp" khi nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận.

- Đơn giản hóa TTHC gắn với việc cắt giảm điều kiện kinh doanh về yêu cầu nhân sự theo hướng: Về tiêu chuẩn kinh nghiệm của thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm (khoản 4 Điều 20), giảm yêu cầu số lượng năm kinh nghiệm làm việc của thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm từ 07 năm xuống 05 năm trong lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 20 trong trường hợp các thành viên này có kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức xếp hạng tín nhiêm khác (đối với các trường hợp khác vẫn giữ nguyên yêu cầu có 07 năm kinh nghiệm).

- Đơn giản hóa TTHC gắn với việc cắt giảm điều kiện kinh doanh về yêu cầu nhân sự theo hướng: Giảm số lượng người lao động "tối thiểu" đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện chuyên viên phân tích để giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Lý do: Đơn giản hóa giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính trong quá trình triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

- Giảm các thành phần hồ sơ không cần thiết để đáp ứng các điều kiện trong quá trình thực hiện TTHC cho cá nhân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 5, khoản 8 Điều 15 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7. Thủ tục hành chính 7: Thủ tục đăng ký mới, duy trì hoặc loại bỏ tư cách nhà tạo lập thị trường (Mã số TTHC: 3.000027)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm tại thành phần hồ sơ là "Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp" khi nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận.

Lý do: Bộ Tài chính có thể khai thác thông tin về giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành của doanh nghiệp tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 26 Nghị định 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

II. ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1. Điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư đối với kinh doanh xổ số

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 03 điều kiện:

- Có hình thức bảo đảm thanh toán theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 30/2007/NĐ-CP (gồm: Cầm cố tài sản; thế chấp tài sản; đặt cọc; ký quỹ; bảo lãnh) để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

- Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; nếu là tổ chức phải là tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

- Cán bộ, nhân viên làm việc tại doanh nghiệp kinh doanh xổ số; vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột, anh, chị, em nuôi của Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban nghiệp vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số không được làm đại lý xổ số.

Lý do: Các điều kiện kinh doanh trên không phải là các điều kiện để các doanh nghiệp kinh doanh xổ số được cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, đồng thời, quan hệ giữa đại lý và công ty sổ số được thực hiện theo hợp đồng giữa các bên theo Luật Dân sự, do vậy, kiến nghị bỏ các điều kiện này ra khỏi danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm a, b khoản 2 Điều 12, Điều 13 Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007 của Chính phủ.

- Sửa đổi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 4 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2008.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Điều kiện về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện: Doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh ngành, nghề kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và đáp ứng đủ điều kiện quy định pháp luật.

Lý do: Thực tế doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũng không được kinh doanh và chỉ được phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 20 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Đối với điều kiện về Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 02 điều kiện

- Tuân thủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Có niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng nước ngoài khác (nếu có) ở vị trí dễ nhận biết tại cửa ra, vào Điểm kinh doanh.

Lý do: Bãi bỏ các điều kiện này do các điều kiện này đã được quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm c, d khoản 2 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Điều kiện đối với kinh doanh casino

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 02 điều kiện:

- Có lực lượng bảo vệ, có đủ trang thiết bị bảo vệ, phòng, chống cháy nổ, lối thoát hiểm, bảo đảm an ninh, an toàn theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Có niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng nước ngoài khác (nếu có) ở vị trí dễ nhận biết tại cửa ra, vào Điểm kinh doanh casino.

Lý do: Bãi bỏ các điều kiện này do các điều kiện này đã được quy định tại Nghị định 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm c, d khoản 2 Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

5. Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 02 điều kiện:

- Phương án tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó phù hợp quy định của pháp luật.

- Phương án đầu tư hệ thống công nghệ, thiết bị kỹ thuật, phần mềm kinh doanh vận hành chính xác, an toàn, ổn định.

Lý do: Bãi bỏ các điều kiện kinh doanh này do phương án tổ chức hoạt động kinh doanh và phương án đầu tư hệ thống công nghệ, thiết bị kỹ thuật, phần mềm kinh doanh đã được quy định tại điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, để tránh trùng lặp và tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm c, d khoản 1 Điều 30 Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24/01/2017 của Chính phủ.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 9 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện: Cam kết về việc hỗ trợ cộng đồng.

Lý do: Điều kiện này mang tính khuyến nghị nhiều hơn bắt buộc. Mặt khác đặt cược đua ngựa, đua chó có chi phí vận hành lớn (nuôi, huấn luyện ngựa, chó đua, đầu tư trường đua, hệ thống đặt cược với chi phí đầu tư lớn), trong khi điều kiện khí hậu, thời tiết nhiệt đới của Việt Nam ảnh hưởng đến việc kinh doanh đặt cược (mang tính mùa vụ, không ổn định), ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Để Dự án đầu tư hiệu quả và nhà đầu tư kinh doanh có lãi, đề xuất bãi bỏ điều kiện, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 30 Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24/01/2017 của Chính phủ.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 9 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7. Điều kiện áp dụng đối với tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện: Cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Lý do: Tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, không yêu cầu Tổng Giám đốc/Giám đốc phải cư trú tại Việt Nam. Sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận, Tổng Giám đốc/Giám đốc cư trú tại Việt Nam để điều hành hoạt động của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm, tuân thủ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 5 Điều 19 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

8. Điều kiện áp dụng đối với thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện: Không là cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

Lý do: Căn cứ Luật Cán bộ, công chức (Điều 20), cán bộ, công chức không được làm những việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, công tác nhân sự quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và những việc khác theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 20 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Điều kiện áp dụng đối chuyên gia phân tích của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện: Không là cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

Lý do: Căn cứ Luật Cán bộ, công chức (Điều 20), cán bộ, công chức không được làm những việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, công tác nhân sự quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và những việc khác theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

10. Điều kiện áp dụng đối với quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện: Có trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

Lý do: Tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, không yêu cầu doanh nghiệp phải có trang thông tin điện tử. Sau khi doanh nghiệp được cấp phép, doanh nghiệp có trang thông tin để thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật. Tại Nghị định số 88/2014/NĐ-CP (Điều 18) quy định doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm công bố trên phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của doanh nghiệp trước ngày dự kiến khai trương hoạt động kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm và Điều 36 quy định doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp những thông tin cơ bản. Theo đó, bảo đảm tính công khai và minh bạch thông tin, tạo điều kiện tiếp cận thông tin cho các bên liên quan về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm và tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 9 Điều 14 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

11. Điều kiện áp dụng đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện: Không phải là tổ chức nằm trong diện đang được tái cơ cấu theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Lý do: Điều kiện này đã được điều chỉnh bằng các quy định pháp luật khác (Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm). Cơ quan quản lý vẫn có thể từ chối cấp phép nếu doanh nghiệp đang bị kiểm soát đặc biệt, đình chỉ, mất năng lực tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 34 Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

12. Điều kiện áp dụng đối với hồ sơ doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ 01 điều kiện: Có hợp đồng nguyên tắc ký kết với các tổ chức lưu ký tài sản quỹ hưu trí và ngân hàng giám sát hoạt động quản lý quỹ hưu trí và quản trị tài khoản hưu trí cá nhân.

Lý do: Tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí, không yêu cầu doanh nghiệp phải có hợp đồng nguyên tắc ký kết với các tổ chức cung cấp dịch vụ. Sau khi được cấp phép, doanh nghiệp mô tả phương án hợp tác, quyền, trách nhiệm giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí với các tổ chức cung cấp dịch vụ tại hồ sơ phương án kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí. Đồng thời, trước khi triển khai chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, doanh nghiệp quản lý quỹ công khai các tài liệu về chương trình hưu trí bổ sung, bao gồm các hợp đồng ký kết với các tổ chức cung cấp dịch vụ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 34 Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

13. Điều kiện áp dụng đối với hệ thống của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ 01 điều kiện: Có quy trình quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ.

Lý do: Tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí, không yêu cầu doanh nghiệp phải có quy trình quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ. Sau khi được cấp phép, doanh nghiệp nêu cụ thể quy trình rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ tại dự thảo Điều lệ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 7 Điều 34 Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.